

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ**



ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

THỰC TRẠNG VẤN ĐỀ TỰ HỌC HỌC PHẦN TIẾNG ANH 1 CỦA SINH VIÊN NĂM THỨ NHẤT TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ VÀ ĐỀ XUẤT MỘT SỐ BIỆN PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ TỰ HỌC CHO SINH VIÊN

Chủ nhiệm đề tài: Ths. Dương Thị Ngọc Anh

Đơn vị công tác: Khoa Ngoại ngữ - Tin học

Ninh Bình, tháng 4 - 2018

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài	1
1.1. Cơ sở lý luận.....	1
1.2. Cơ sở thực tiễn.....	2
2. Mục đích nghiên cứu	2
3.1. Đối tượng nghiên cứu	3
3.2. Phạm vi nghiên cứu	3
4. Khách thể nghiên cứu	3
5. Nhiệm vụ nghiên cứu	3
6. Phương pháp nghiên cứu	3

PHẦN NỘI DUNG

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN CỦA ĐỀ TÀI.....	4
1.1. Sơ lược lịch sử vấn đề nghiên cứu	4
1.2. Tổng quan về vấn đề tự học.....	6
1.2.1. Khái niệm, bản chất của vấn đề tự học.....	6
1.2.2. Vai trò của tự học ở bậc đại học.....	7
1.2.3. Biểu hiện của ý thức tự học tốt.....	9
1.2.4. Vai trò của giảng viên trong việc phát triển năng lực tự học của người học	11
1.2.5. Nguyên tắc đảm bảo việc tự học của người học	12
1.3. Tổng quan về học phần tiếng anh 1	13
1.3.1 Các mục tiêu chung của học phần.....	14
1.3.2. Mục tiêu cụ thể của học phần.....	14
1.3.4. Tài liệu học tập:	16
1.3.5. Hình thức kiểm tra đánh giá	17
1.3.6. Yêu cầu tự học.....	17

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG VẤN ĐỀ TỰ HỌC HỌC PHẦN TIẾNG ANH 1 CỦA SINH VIÊN NĂM THỨ NHẤT TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯU	
LƯ	19
2.1. Bối cảnh nghiên cứu và khách thể nghiên cứu	19
2.1.1 Bối cảnh nghiên cứu	19
2.1.2. Khách thể nghiên cứu	19
2.2. Các công cụ điều tra	20
2.3. Kết quả điều tra	20
2.3.1 Kết quả nghiên cứu từ bảng khảo sát dành cho sinh viên	20
2.3.1 Kết quả nghiên cứu từ việc phỏng vấn giảng viên	34
2.4. Kết luận về thực trạng tự học học phần tiếng anh 1 của sinh viên	36
CHƯƠNG 3: ĐỀ XUẤT MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM CẢI THIỆN VIỆC TỰ HỌC CHO SINH VIÊN KHI HỌC HỌC PHẦN TIẾNG ANH 1	
3.1. Đối với giảng viên	38
3.2. Đối với sinh viên	41
PHẦN KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	
TÀI LIỆU THAM KHẢO	44
PHỤ LỤC	46

PHẦN MỞ ĐẦU

1. LÝ DO CHỌN ĐỀ TÀI

1.1. Cơ sở lý luận

Việc học tập là một quá trình lâu dài, đòi hỏi sự kiên trì và nỗ lực cao của người học. Như Lenin đã từng nói “học, học nữa, học mãi”, việc học không chỉ diễn ra ở trường mà còn ở mọi nơi, mọi lúc, học tập suốt đời. Hơn nữa, không có trường học nào có thể cung cấp kiến thức một cách đầy đủ và toàn diện cho người học. Để tồn tại và hoàn thiện bản thân, người học phải tự học, tự nghiên cứu, khám phá những điều cần thiết cho cuộc sống làm việc của mình. Chính vì thế, tự học có vai trò vô cùng quan trọng trong quá trình học tập.

Đặc biệt, ở bậc đại học với mục tiêu, nhiệm vụ của giáo dục là: biến quá trình đào tạo thành quá trình tự đào tạo. Theo đó, phương pháp dạy và học ở các trường đại học cần thực hiện theo ba định hướng: bồi dưỡng năng lực tự học, tự nghiên cứu; tạo điều kiện cho người học phát triển tư duy sáng tạo; rèn luyện kỹ năng thực hành, tham gia nghiên cứu, ứng dụng. Hiện nay, các trường cao đẳng và đại học trong toàn quốc đang chuyển sang hình thức đào tạo theo học chế tín chỉ. Bản chất của hình thức đào tạo theo học chế tín chỉ là cá nhân hóa, tích cực hóa hoạt động học tập, tăng quyền tự chủ cho người học; nâng cao ý thức tự giác trong học tập, phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu, phát triển tư duy sáng tạo, rèn luyện kỹ năng nghiệp vụ, kỹ năng tìm kiếm và xử lý thông tin; tăng cường vai trò định hướng của người dạy đối với hoạt động học, thúc đẩy mối quan hệ giữa đào tạo và nghiên cứu khoa học. Trong phương thức đào tạo tín chỉ, tự học, tự nghiên cứu của sinh viên đặc biệt được coi trọng hơn nữa và được tính vào nội dung và thời lượng của chương trình. Do vậy, tổ chức các hoạt động tự học tốt cho sinh viên là một trong những nhiệm vụ hàng đầu của các giảng viên.

1.2. Cơ sở thực tiễn

Mới bước vào bậc đại học, các em còn quen với cách học thụ động ở phổ thông, chưa có khả năng tổ chức tự học mà chỉ tự học khi được giao các bài tập, nhiệm vụ học tập. Theo Wang và Pevely (1986), sinh viên có tính tự học tốt phải là những người có năng lực hoạt động và độc lập trong quá trình học tập, họ có thể xác định mục tiêu, xây dựng mục tiêu riêng của họ, và có thể thay đổi mục tiêu cho phù hợp với nhu cầu và lợi ích học tập của mình, họ có thể sử dụng các chiến lược học tập và giám sát việc học của mình. Tuy nhiên, qua thực tế quá trình giảng dạy ngoại ngữ tại trường, nhóm nghiên cứu nhận thấy dường như các em sinh viên chưa có ý thức, động cơ học tập đúng và đầy đủ về việc tự học và vai trò của tự học ở bậc đại học, chưa thường xuyên tự học ở nhà; sinh viên còn lúng túng trong việc lựa chọn tài liệu học tập; học còn máy móc theo sách vở, chưa biết tự đặt ra mục tiêu và lập kế hoạch để thực hiện được mục tiêu; chưa đánh giá một cách nghiêm túc thành tích học tập và cũng chưa có phản hồi tích cực chương trình học của mình. Với những môn đặc thù như ngoại ngữ thì yêu cầu phát huy tính tự học của sinh viên lại càng cao hơn nữa. Tự học tiếng Anh đối với các em cũng khó hơn nhiều do chương trình, giáo trình giảng dạy, tài liệu học tập đều viết bằng tiếng Anh; yêu cầu môn học phải phát triển cả bốn kỹ năng, khác nhiều so với phổ thông. Các em thường không biết phải bắt đầu học như thế nào, học từ đâu... Chính vì vậy, việc nghiên cứu thực trạng việc tự học môn Tiếng Anh 1 của sinh viên hiện nay để kịp thời đưa ra các giải pháp nhằm đẩy mạnh hoạt động tự học tiếng Anh cho sinh viên góp phần nâng cao kết quả học tập và chất lượng đào tạo là vô cùng cấp thiết.

2. MỤC ĐÍCH NGHIÊN CỨU

Đề tài được tiến hành nhằm tìm hiểu thực trạng vấn đề tự học học phần Tiếng Anh 1 của sinh viên năm thứ nhất trường Đại học Hoa Lư, trên cơ sở đó đề xuất một số biện pháp nâng cao tính tự học cho sinh viên trong việc học tiếng Anh.

3. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI NGHIÊN CỨU

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Vấn đề tự học Tiếng Anh của sinh viên

Học phần Tiếng Anh 1

Thực trạng vấn đề tự học học phần Tiếng Anh 1 của sinh viên năm thứ nhất trường Đại học Hoa Lư

Các biện pháp nâng cao tính tự học cho sinh viên trong việc học Tiếng Anh 1

3.2. Phạm vi nghiên cứu

Nghiên cứu thực trạng vấn đề tự học học phần Tiếng Anh 1 của sinh viên năm thứ nhất khoá D10 trường Đại học Hoa Lư

4. KHÁCH THỂ NGHIÊN CỨU

Các giảng viên dạy tiếng Anh 1 cho sinh viên năm thứ 1 trường Đại học Hoa Lư

Sinh viên học học phần Tiếng Anh 1 năm thứ nhất trường đại học Hoa Lư.

5. NHIỆM VỤ NGHIÊN CỨU

Hệ thống hoá các vấn đề lý luận có liên quan đến đề tài nghiên cứu: tự học, chương trình giảng dạy học phần Tiếng Anh 1 theo học chế tín chỉ.

Tìm hiểu thực trạng vấn đề tự học học phần Tiếng Anh 1 của sinh viên năm thứ nhất trường Đại học Hoa Lư

Đề xuất một số biện pháp tổ chức hoạt động tự học hiệu quả nhằm nâng cao khả năng tự học của sinh viên khi học học phần Tiếng Anh 1

6. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Phương pháp phân tích, tổng hợp tài liệu

Phương pháp quan sát

Phương pháp khảo sát điều tra bằng phiếu khảo sát và phỏng vấn

Phương pháp thống kê toán học.

Phương pháp tổng kết kinh nghiệm

PHẦN NỘI DUNG

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN CỦA ĐỀ TÀI

1.1. SƠ LƯỢC LỊCH SỬ VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU

Bàn về vấn đề tự học, đã có rất nhiều học giả tham gia nghiên cứu và đưa ra các khái niệm, bản chất của tự học, vai trò của nó trong học tập. Người đặt nền móng cho ý thức về hoạt động tự học là nhà giáo dục người Tiệp Khắc J.A Comenxki (1592-1670). Các nhà giáo dục học như G. Brousseau (1712-1778), J.H. Pestalozzi (1746-1872) thế kỉ 18, 19 cũng đã quan tâm nhiều đến sự phát triển trí tuệ, tính tích cực và tính độc lập sáng tạo của học sinh và cho rằng phải khuyến khích người học giành lấy tri thức bằng con đường tự khám phá, tìm tòi trong quá trình học tập.

Trong lĩnh vực dạy và học ngoại ngữ, vấn đề tự học, hay sự tự chủ của người học đã được Holec nêu ra và phát triển từ năm 1981 trong cuốn “Tự học trong học ngoại ngữ” (Autonomy in language learning (1981) – Oxford University Press) trong đó ông nêu rõ sự tự chủ của người học là một trong những yếu tố mạnh mẽ dẫn đến thành công trong việc học ngôn ngữ thứ hai. Theo ông, người học nên được trao trách nhiệm quyết định tất cả các vấn đề học tập của mình như: phong cách học, nhu cầu học, khả năng học của bản thân. Sự tự chủ trong học ngôn ngữ từ đó đã trở thành một chủ đề mà các nhà nghiên cứu ngôn ngữ quan tâm suốt 40 năm qua. Trên thế giới đã có rất nhiều sách và bài báo công bố kết quả nghiên cứu về vấn đề này như Holec (1981), Dickinson (1987), Riley (1988), Little (1995) ... Họ đều khẳng định vai trò trung tâm của người học trong quá trình dạy học, còn người dạy là chuyên gia của việc học trong đó người dạy phải chú trọng gợi sự chú ý kích thích, thúc đẩy học sinh tự hoạt động.

Trong khu vực, đề tài này cũng có nhiều nhà ngôn ngữ học quan tâm. Điển hình là nghiên cứu « *Vai trò của giảng viên trong việc phát triển tính tự học cho sinh viên ở vùng Đông Á* » (Teachers' Roles in Developing Learner Autonomy in the East Asian Region) của bốn tác giả Shien Sakai, Akiko

Takagi, Seongwon Lee, Man-ping Chu công bố trên tạp chí ngôn ngữ « The Journal of Asia TEFL » vol. 5, no. 1, pp. 97-121, Spring 2008. Theo đó giảng viên có vai trò như người hướng dẫn, thúc đẩy, tư vấn, định hướng cho việc tự học của người học ngôn ngữ.

Ở Việt Nam vấn đề tự học đã được nói tới từ lâu và gần đây vấn đề tự học của sinh viên ngày càng được quan tâm và nghiên cứu vì vai trò quan trọng của nó trong quá trình học theo học chế tín chỉ. Tiêu biểu là Giáo sư Cao Xuân Hạo với bài « *Bàn về chuyện tự học* » (Kiến thức ngày nay, số 396, năm 2001) đã coi tự học như chìa khóa vàng của giáo dục trong thời đại bùng nổ thông tin, giảng viên Diệp Thị Thanh (Trường Đại học Ngoại Ngữ, Đại học Đà Nẵng) với bài « *Phương pháp tự học- cầu nối giữa học tập và nghiên cứu khoa học* ». Cũng có rất nhiều học giả quan tâm tới vấn đề tự học hay tự chủ trong việc học ngôn ngữ thứ hai như Trần Thị Hoà với công trình “*Phát huy tính tự học trong việc học từ vựng cho sinh viên năm thứ hai, Trường Đại học Y Hải Phòng*” (2010).

Ngoài ra, học giả Phạm Thị Phương, giảng viên trường Đại học Thương mại có một nghiên cứu hành động (Action research) về “*Phát huy tính tự chủ đối với kỹ năng nói cho sinh viên chuyên ngữ năm thứ nhất tại trường Đại học Thương mại*” theo đó nghiên cứu được tiến hành với 28 sinh viên năm thứ nhất của lớp N0904, Khoa tiếng Anh tại Đại học Thương mại bằng cách sử dụng một số biện pháp phát huy tính tự học cho sinh viên khi học Tiếng Anh. Sau 12 bài học thực nghiệm những người học này đã có thể cải thiện tính tự học cũng như kỹ năng nói tiếng Anh của họ. Họ đã trở nên ý thức hơn về tự học tiếng Anh, tự tin hơn, có động lực tốt trong học tập.

Tóm lại, các nghiên cứu đều chỉ ra rằng tự học có vai trò rất lớn trong quá trình học tập của người học và người dạy nên có những phương pháp, kỹ năng giảng dạy phù hợp với sinh viên của mình nhằm thúc đẩy quá trình học tập của họ.

1.2. TỔNG QUAN VỀ VẤN ĐỀ TỰ HỌC

1.2.1. Khái niệm, bản chất của vấn đề tự học

Đã có rất nhiều quan niệm về vấn đề tự học. Hồ Chí Minh là một tấm gương sáng về tự học. Người cho rằng: “*Tự học là cách học tự động*” và “*phải biết tự động học tập*”. Theo Người: “*tự động học tập*” tức là tự học một cách hoàn toàn tự giác, tự chủ, không đợi ai nhắc nhở, không chờ ai giao nhiệm vụ mà tự mình chủ động vạch kế hoạch học tập cho mình, rồi tự mình triển khai, thực hiện kế hoạch đó một cách tự giác, tự mình làm chủ thời gian để học và tự mình kiểm tra đánh giá việc học của mình”.

GS Nguyễn Cảnh Toàn thì cho rằng: Tự học là tự mình động não, suy nghĩ, sử dụng các năng lực trí tuệ và các phẩm chất khác của người học, để chiếm lĩnh một tri thức nào đó của nhân loại, biến tri thức đó thành sở hữu của chính mình.

Còn theo Little (1995), ông cho rằng cơ sở của người học tự chủ là người học chấp nhận trách nhiệm về việc học tập của mình. Điều này có tác động tới mặt nhận thức đó là một thái độ tích cực học tập.

Mỗi chúng ta đều biết rằng muốn làm tốt một việc gì dù nhỏ, đơn giản cũng cần có sự nỗ lực phấn đấu của bản thân. Việc học tập của sinh viên cũng vậy, họ sẽ trở thành cái máy ghi âm lời thầy cô và cũng chóng quên những điều đã học nếu không làm cho nó có ích và biến những điều tri thức ấy thực sự là của mình. Công việc tự học sẽ đáp ứng được yêu cầu này. Thực chất tự học là một quá trình học tập, một quá trình nhận thức không trực tiếp có thầy giáo. Đó là ‘lao động khoa học’, vất vả hơn nhiều so với quá trình học có thầy bởi vì người học phải tự xây dựng cho mình cách học và sử dụng hợp lý các điều kiện, hình thức, phương tiện học tập để đạt được kết quả mong muốn. Có thể nói: Bản chất của công việc tự học của sinh viên đại học là quá trình nhận thức một cách tự giác, tích cực, tự lực không có sự tham gia hướng dẫn trực tiếp của giáo viên nhằm đạt được mục đích, nhiệm vụ dạy học. Tự học vừa mang tới ý nghĩa mở rộng hiểu biết. Tự học có nghĩa là sinh viên phải độc lập, tự xây dựng

kế hoạch, phương pháp học tập cho mình, tự năng động tìm tòi phân tích những sách vở, tài liệu tiến tới làm chủ tri thức, kỹ năng kỹ xảo.

1.2.2. Vai trò của tự học ở bậc đại học

Việc khuyến khích sinh viên trong các trường đại học tự học, tự nghiên cứu hiện nay đang là vấn đề nhiều nhà giáo dục, nhiều trường đại học quan tâm do nó có vai trò cực kỳ quan trọng. Có thể nói, tự học là nhân tố trực tiếp trong việc nâng cao chất lượng đào tạo ở các trường đại học. Khi một học sinh trở thành một sinh viên đại học, họ bắt đầu phải làm quen với phương thức học tập hoàn toàn mới mẻ. Ở trung học, học sinh chỉ cần nắm vững những kiến thức được cô giáo truyền giảng ở trên lớp và giáo viên liên tục kiểm tra, đánh giá học sinh và có giao bài tập cụ thể. Song ở đại học, tự học là phương pháp, cách thức cơ bản của mỗi sinh viên phải quán triệt. Sinh viên học phương pháp là chủ yếu. Thầy cô giáo chỉ đóng vai trò là những người hướng dẫn học tập, và các giờ lên lớp chỉ cung cấp được những kiến thức cơ bản nhất, những tài liệu cơ bản, còn việc học tập của sinh viên là lên kế hoạch, sắp xếp trình tự, thời gian để nghiên cứu tài liệu cơ sở và cả tài liệu tham khảo mở rộng. Thêm vào đó, do không còn sự kiểm tra sát sao của giảng viên, kết quả học tập phụ thuộc vào bản thân sinh viên là chủ yếu. Công tác tự học của sinh viên ngày càng tăng lên, ngày càng đòi hỏi nhiều cố gắng nỗ lực vì chỉ có việc tự học mới trang bị cho mình kiến thức mới nhất, khoa học nhất và thu được nhiều kinh nghiệm cho thực tiễn hoạt động và đạt kết quả như mong muốn.

Khi chuyển sang phương thức đào tạo theo tín chỉ vấn đề tự học, tự chủ của sinh viên càng trở nên quan trọng và mang tính quyết định về chất lượng hơn nữa khi kế hoạch học tập cụ thể phụ thuộc vào chính bản thân người học. Sinh viên có nhiệm vụ và quyền được lựa chọn môn học, thời gian học, tiến trình học tập nhanh, chậm phù hợp với điều kiện của mình. Phương thức này tạo cho sinh viên năng lực chủ động trong việc lập kế hoạch học tập khoa học, xác định thời gian, phương pháp để thực hiện các mục tiêu đề ra trong kế hoạch

học tập đó. Khi đó người sinh viên phải ý thức xây dựng kế hoạch tự học, tự nghiên cứu sao cho quá trình học tập hiệu quả nhất.

Hơn nữa, hình thức tổ chức dạy học trong phương thức đào tạo theo học chế tín chỉ quy định hoạt động tự học của sinh viên như là một thành phần bắt buộc trong thời khóa biểu và là một nội dung quan trọng của đánh giá kết quả học tập. Hoạt động dạy và học theo tín chỉ thường được tổ chức theo ba hình thức: lên lớp, thực hành và tự học. Trong đó hình thức lên lớp và thực hành được tổ chức có sự tiếp xúc trực tiếp giữa giảng viên và sinh viên (giảng viên giảng bài, hướng dẫn; sinh viên nghe giảng, thực hành dưới sự hướng dẫn của giảng viên. Còn hình thức tự học không có sự tiếp xúc trực tiếp giữa giảng viên và sinh viên. Giảng viên giao nội dung để sinh viên tự học, tự nghiên cứu, tự thực hành và sẵn sàng tư vấn khi được yêu cầu, (tùy tình hình thực tế ở mỗi cơ sở giáo dục, mỗi tín chỉ giảng viên thường dành 3 giờ để tư vấn tự học cho sinh viên). Ba hình thức tổ chức dạy học tương ứng với ba kiểu giờ tín chỉ: giờ tín chỉ lý thuyết, giờ tín chỉ thực hành và giờ tín chỉ tự học. Cách tổ chức thực hiện một giờ tín chỉ cho chúng ta thấy một đặc điểm rất quan trọng góp phần tạo nên sự khác biệt với phương thức đào tạo truyền thống đó là phương thức đào tạo theo học chế tín chỉ coi tự học là một thành phần hợp pháp và bắt buộc phải có trong hoạt động học tập của sinh viên. Để học được 1 giờ lý thuyết hay 2 giờ thực hành, thực tập trên lớp sinh viên cần phải có 2 giờ chuẩn bị ở nhà. Đó là yêu cầu bắt buộc trong cơ cấu giờ học của sinh viên. Nội dung một bài giảng trong hệ thống tín chỉ thường gồm 3 thành phần chính: Phần nội dung bắt buộc phải biết (N1) được giảng trực tiếp trên lớp. Phần nội dung nên biết (N2) có thể không được giảng trực tiếp trên lớp mà giáo viên có trách nhiệm hướng dẫn cụ thể sinh viên tự học, tự nghiên cứu ở ngoài lớp. Phần nội dung có thể biết (N3) dành riêng cho tự học, chuẩn bị bài, làm bài tập, thảo luận nhóm, làm thí nghiệm... và các hoạt động khác có liên quan đến môn học. Như vậy, kiến thức của mỗi môn học được phát triển thông qua những tìm tòi của người học dưới sự hướng dẫn, giúp đỡ của giảng viên. Nếu sinh viên không tự học thì họ mới

chỉ lĩnh hội được 1/3 khối lượng kiến thức của môn học và như vậy đồng nghĩa với việc họ không đạt được yêu cầu của môn học đó.

Trong học chế tín chỉ, hoạt động tự học được kiểm tra, đánh giá thường xuyên thông qua các bài kiểm tra, bài tập, các buổi thảo luận ...trong suốt cả quá trình học. Với bản chất đó, rõ ràng trong phương thức đào tạo theo tín chỉ, hoạt động tự học của sinh viên trở thành hoạt động bắt buộc với các chế tài cụ thể qui định cho hình thức học tập này.

Ngoài ra, tự học được tổ chức tốt không những cung cấp cho sinh viên những kiến thức mới, bổ ích mà còn giúp họ rất nhiều trong công việc sau này khi họ ra trường. Không chỉ có vậy, tự học còn có vai trò to lớn trong việc giáo dục, hình thành nhân cách cho sinh viên. Việc tự học rèn luyện cho sinh viên thói quen độc lập suy nghĩ, độc lập giải quyết vấn đề khó khăn trong nghề nghiệp, trong cuộc sống, giúp cho họ tự tin hơn trong việc lựa chọn cuộc sống cho mình. Hơn thế, tự học thúc đẩy sinh viên lòng ham học, ham hiểu biết, khát khao vươn tới những đỉnh cao của khoa học, sống có hoài bão, ước mơ.

Tóm lại tự học có ý nghĩa to lớn đối với bản thân sinh viên để hoàn thành nhiệm vụ học tập của họ đối với chất lượng, hiệu quả của quá trình đào tạo trong nhà trường và rèn luyện phương pháp tự học phải trở thành một mục tiêu học tập của sinh viên. Tự học là sự thể hiện đầy đủ nhất vai trò chủ thể trong quá trình nhận thức của sinh viên. Trong quá trình đó, người học hoàn toàn chủ động và độc lập, tự lực tìm tòi, khám phá để lĩnh hội tri thức dưới sự chỉ đạo, điều khiển của giáo viên. Để phát huy tính tích cực chủ động sáng tạo của mình, sinh viên cần tự rèn luyện phương pháp tự học, đây không chỉ là một phương pháp nâng cao hiệu quả học tập mà là một mục tiêu quan trọng của học tập. Có như vậy thì phương pháp tự học mới trở thành cốt lõi của phương pháp học tập ở bậc đại học và trung học chuyên nghiệp.

1.2.3. Biểu hiện của ý thức tự học tốt

Một người có ý thức tự học tốt thể hiện ở chỗ họ có thái độ đối với việc học tập ở lớp cũng như ở nhà và họ thực hiện học tập như thế nào. Việc này

tương chừng như đơn giản, song không phải sinh viên nào cũng đã thực hiện được. Một sinh viên có ý thức tự học tốt, phải là người biết cách sắp xếp thời gian học tập, biết phân phối sức lực để học tập, khát khao hiểu biết, nghiên cứu. Đó là những sinh viên biết kết hợp giữa học tập và giải trí một cách khoa học. Ý thức tự học tốt thể hiện rất rõ qua việc học tập trên lớp và việc tự tổ chức học tập ở nhà.

Ở trên lớp, người có ý thức tự học tốt chính là người tập trung nghe giảng, đào sâu suy nghĩ, hăng hái phát biểu bởi vì người ta thường nhớ rất nhanh và rất bền điều mà họ hiểu. Tự học ở nhà chính là bước giúp sinh viên đào sâu suy nghĩ, hệ thống lại những tri thức đã lĩnh hội, liên hệ nó với kế hoạch thực tế và xây dựng kế hoạch nghiên cứu tài liệu sao cho những điều mình biết luôn có ích và không xa rời hiện thực. Tuy nhiên, một ý thức tự học tốt không chỉ vượt ra khỏi khuôn khổ của việc học tập trên lớp hay việc tự học ở nhà mà nó thể hiện ngay trong ý thức tiếp thu, tự học những điều nhỏ nhất trong cuộc sống.

Theo Wang và Pevely (1986), những sinh viên tự học tốt là những người có năng lực hoạt động độc lập trong quá trình học tập, họ có thể xác định mục tiêu, xây dựng mục tiêu riêng của họ, và có thể thay đổi mục tiêu cho phù hợp với nhu cầu và lợi ích học tập của mình, họ có thể sử dụng các chiến lược học tập khác nhau một cách phù hợp và giám sát việc học của mình.

Năng lực tự học được thể hiện qua việc chủ thể tự xác định đúng đắn động cơ học tập cho mình, có khả năng tự quản lý việc học của mình, có thái độ tích cực trong các hoạt động để có thể tự làm việc, điều chỉnh hoạt động học tập và đánh giá kết quả học tập của chính mình để có thể độc lập làm việc và làm việc hợp tác với người khác (Trinh & Rijlaarsdam, 2003).

Ho and Crookall (1995) đưa ra một số đặc điểm của một người có phương pháp tự học tốt như sau: (1) lựa chọn tài liệu học tập tốt; (2) tự đặt ra mục tiêu và lập kế hoạch để việc đạt mục tiêu đó; (3) tự đánh giá được sự tiến bộ của mình và những thành tích của mình; (4) tự đánh giá chương trình học

của mình. Ngoài ra, người học còn phải biết thu xếp thời gian học tập của mình, có khả năng vượt qua những khó khăn, thử thách để đạt được mục tiêu đề ra, có động cơ học tập đúng và có tinh thần kỷ luật cao.

Tóm lại, một người tự học tốt sẽ có các đặc điểm sau :

- Xác định đúng đắn động cơ học tập cho mình
- Có thái độ tích cực trong các hoạt động học tập
- Biết lập kế hoạch để hoàn thành mục tiêu học tập
- Tự đánh giá được sự tiến bộ của mình và những thành tích của mình, điều chỉnh hoạt động học tập cho phù hợp
- Tự đánh giá chương trình học của mình

1.2.4. Vai trò của giảng viên trong việc phát triển năng lực tự học của người học

Nhiều học giả trên thế giới như Barfield (2001), Camilleri (1999), Little (1995), Nunan (1997) đều đánh giá cao vai trò của giảng viên trong việc khuyến khích, phát triển năng lực tự học cho sinh viên. Camilleri (1999) thì liệt kê ba đặc điểm cần thiết của giáo viên trong một môi trường học tập tự chủ bao gồm hiểu biết sự phạm, sự nhận thức và kỹ năng quản lý lớp học. Theo đó, người thầy chuyển từ vai trò của người đơn thuần truyền thụ kiến thức sang vai trò của người quản lý, hướng dẫn, người hỗ trợ cố vấn và là nguồn kiến thức. Người thầy phải nắm bắt được nhu cầu của người học và tổ chức để họ quản lý được thời gian vật chất của mình, đồng thời động viên họ tích cực tham gia vào quá trình nâng cao năng lực nhận thức và tư duy, chỉ dẫn và giúp đỡ họ phát triển các kỹ năng học tập độc lập như tự quyết định mục tiêu của bản thân, tự tìm kiếm và xử lý thông tin, tự đánh giá năng lực và chất lượng học tập của mình. Người giảng viên với phương pháp dạy học khuyến khích sự phát triển nội lực của sinh viên sẽ kích thích quá trình lĩnh hội tri thức và phát triển trí tuệ, có khả năng khơi dậy thái độ say sưa, hứng thú học tập để từ đó kích thích sinh viên tự tìm tòi, tự chiếm lĩnh tri thức.

Trong quá trình dạy ngoại ngữ giảng viên có một vai trò nhất định trong việc phát triển năng lực tự học, tự chủ cho các em. Theo Little Wood (1997) người dạy cần: phát triển khả năng của sinh viên học ngôn ngữ một cách độc lập, tự tin; phát triển khả năng sử dụng ngôn ngữ giao tiếp trong thực tế trong những tình huống không thể đoán trước. Ngoài ra, người thầy cũng cần giúp sinh viên phát triển khả năng chịu trách nhiệm trong việc học của mình và áp dụng những kỹ năng, kiến thức ngôn ngữ đã học một cách linh hoạt vào giao tiếp trong thực tế.

Để hình thành năng lực tự học cho sinh viên bên cạnh vai trò quyết định của người giảng viên thì việc tạo môi trường thuận lợi để các em tự học cũng có ảnh hưởng quan trọng. Chẳng hạn ở trường học, giảng viên có thể thành lập các nhóm nhỏ học tập dựa trên các nhóm bạn bè cho các em. Việc trao đổi, tranh luận, giúp đỡ nhau trong học tập nhằm vượt qua những khó khăn làm nảy nở các sáng kiến, phát triển lòng yêu thích học tập và củng cố niềm tin vào bản thân các em.

Tóm lại, người giảng viên giữ vai trò quyết định trong hoạt động tự học của sinh viên vì vậy cần phải có những biện pháp dạy học thích hợp hình thành năng lực tự học cho các em.

1.2.5. Nguyên tắc đảm bảo việc tự học của người học

Một vấn đề có tính khoa học bao giờ cũng được xây dựng trên những cơ sở, nguyên tắc nhất định. Phan Bích Ngọc (2009) đưa ra một số nguyên tắc đảm bảo việc tự học tốt như sau:

Bảo đảm tính khoa học trong quá trình tự học. Bản thân quá trình tự học của sinh viên cũng là một quá trình "lao động khoa học" hết sức khó khăn, do vậy, phải đòi hỏi có tính khoa học. Việc bảo đảm tính khoa học trong công tác tự học sẽ đảm bảo được tính tự giáo dục, kích thích hứng thú học tập dẫn đến kết quả học tập như mong muốn.

Đảm bảo "học đi đôi với hành" tự học không chỉ củng cố, mở rộng kiến thức thông thường mà quan trọng hơn là đưa những kiến thức ấy vào cuộc

sống, "cọ sát" với thực tế để thu lượm được những kinh nghiệm thực tiễn sống động, bổ ích, từ đó giúp cho sinh viên trong những điều kiện quen thuộc cũng như mới mẻ đều có thể vận dụng đúng linh hoạt, sáng tạo những điều họ đã tự tiếp thu lĩnh hội được.

Nâng cao dần đến mức tự giác, tích cực trong quá trình tự học. Nguyên tắc này sẽ trực tiếp quyết định đến kết quả học tập của sinh viên. Kế hoạch tự học có được thực hiện thường xuyên hay không là do yếu tố tự giác tích cực quyết định.

Đảm bảo nâng cao dần và củng cố kỹ năng, kỹ xảo. Quá trình tự học không chỉ đơn thuần là quá trình tự hình thành tri thức mà nó còn là quá trình hoạt động thực tiễn, nâng cao, củng cố kỹ năng, kỹ xảo.

Trên đây là các nguyên tắc cơ bản đảm bảo hiệu quả cho quá trình tự học của học sinh sinh viên, các nguyên tắc này có quan hệ gắn bó với nhau, nguyên tắc này hỗ trợ cho nguyên tắc kia và đều nhằm mục đích bảo đảm tính tự giáo dục, tự đào tạo theo mục tiêu giáo dục của trường đại học. Trong thực tiễn tự học của bản thân, mỗi sinh viên cần thiết kế hợp lý khéo léo, khoa học những nguyên tắc trên, hạn chế đến mức thấp nhất yếu tố ngoại cảnh không có lợi cho việc tự học.

1.3. TỔNG QUAN VỀ HỌC PHẦN TIẾNG ANH 1

Học phần Tiếng Anh 1 là học phần đầu tiên trong chương trình học ngoại ngữ cơ bản của sinh viên trong khoá đào tạo đại học và cao đẳng chính quy tại Đại học Hoa Lư. Học phần gồm có 3 tín chỉ, bao gồm 45 giờ lên lớp, 9 giờ tư vấn tự học và 90 giờ tự học. Kết thúc học phần, sinh viên đạt trình độ tương đương bậc 2 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam, ban hành kèm theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo mô tả cụ thể ở phần sau đây. Các học phần tiếng Anh cơ bản còn là nền tảng, điều kiện tiên quyết để các sinh viên một số ngành như kế toán, Việt Nam học, sư phạm toán học, sư phạm hoá, học tiếng

Anh chuyên ngành riêng như Tiếng Anh chuyên ngành thương mại, du lịch, toán học, hoá học...

Căn cứ các thông tư và quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, chuẩn đầu ra của trường đại học Hoa Lư, bộ môn tiếng Anh đã xây dựng đề cương chi tiết cho học phần Tiếng Anh 1. Nhóm nghiên cứu tổng hợp lại một số nội dung cơ bản như sau:

1.3.1 Các mục tiêu chung của học phần

Về kiến thức: Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức nền tảng về 3 nội dung ngôn ngữ: ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp

Về kỹ năng: Chương trình nhằm mục đích phát triển cả 4 kỹ năng: Nghe, Nói, đọc, Viết; đồng thời phát triển năng lực làm việc độc lập hoặc hợp tác theo cặp, nhóm, kỹ năng thuyết trình, khả năng tự học.

Về thái độ: Trong và sau khi học học phần này, sinh viên có thể tự nhận ra việc học ngoại ngữ là một quá trình phức tạp với nhiều yếu tố tác động. Để giao tiếp được, sinh viên cần phải phát triển toàn diện tất cả các kỹ năng và các mặt học liệu và sẵn sàng tham gia các hoạt động tập thể, cặp, nhóm; có tinh thần tự học trên lớp và ngoài giờ. Tham gia tích cực và có tinh thần xây dựng vào các hoạt động trên lớp, chủ động đặt câu hỏi về những thắc mắc của mình.

1.3.2. Mục tiêu cụ thể của học phần

Về mặt ngữ âm sinh viên có thể:

Nắm được các kiến thức cơ bản về nguyên âm, phụ âm; trọng âm từ. Phát âm rõ ràng, tương đối chính xác các âm nguyên âm và phụ âm, nhóm từ, cách diễn đạt và câu ngắn tuy người đối thoại đôi khi vẫn phải yêu cầu nhắc lại.

Về mặt ngữ pháp sinh viên có thể:

Có vốn kiến thức ngữ pháp cơ bản về các cách diễn đạt cho những tình huống giao tiếp hàng ngày: thông tin cá nhân, thói quen, nhu cầu, sở thích, hỏi đáp về những thông tin đơn giản...

Sử dụng được các cấu trúc câu cơ bản trong đó có các cụm cố định, các cách diễn đạt theo công thức dù vẫn mắc các lỗi cơ bản một cách hệ thống như có thiên hướng nhầm lẫn giữa các thì, không sử dụng dạng thích hợp của động từ với chủ ngữ. Tuy nhiên, người sử dụng vẫn thể hiện được rõ ràng ý mình muốn truyền đạt.

Về vốn từ vựng, sinh viên có thể:

Có đủ vốn từ để thực hiện những giao tiếp đơn giản hàng ngày với các tình huống và chủ đề quen thuộc như mua sắm, đi nhà hàng, vào bưu điện....

Có đủ vốn từ để diễn đạt những nhu cầu giao tiếp cơ bản và để xử lý những nhu cầu tối giản. Có khả năng kiểm soát được vốn từ hẹp thuộc các nhu cầu cụ thể hằng ngày.

Về kĩ năng ngôn ngữ sinh viên có thể:

Hiểu những văn bản ngắn gọn, đơn giản về những chủ đề quen thuộc cụ thể được diễn đạt bằng ngôn ngữ gần gũi hàng ngày.

Có thể nghe hiểu được các nhóm từ và từ vựng thường dùng về những chủ đề liên quan trực tiếp như gia đình, mua sắm, nơi ở, nghề nghiệp, có thể hiểu được ý chính trong các thông báo ngắn, đơn giản và rõ ràng.

Hiểu và nhận biết được một số thông tin đơn giản trình bày trên đài/ TV khi những thông tin đó liên quan đến những chủ đề gần gũi hàng ngày.

Có thể sử dụng các từ, cụm từ, các câu đã học để giao tiếp được trong các tình huống đơn giản hàng ngày về bản thân, gia đình, nhà trường, nơi sinh sống. Có thể truyền đạt quan điểm, nhận định của mình trong các tình huống xã giao đơn giản, ngắn gọn nhưng chưa thể duy trì được các cuộc hội thoại. Có thể trình bày ngắn gọn thông tin đã được chuẩn bị trước về một chủ đề quen thuộc thường ngày, trình bày được lý do và lý giải một cách ngắn gọn cho những quan điểm, kế hoạch và hành động.

Viết tin nhắn đơn giản, ngắn gọn thuộc phạm vi nhu cầu cấp thiết. Có thể viết một lá thư cá nhân đơn giản, có thể viết một số cụm từ hoặc câu đơn giản

sử dụng những từ nối như “and”, “but”, “because”. Viết về những chủ đề quen thuộc gần gũi như tả người, nơi chốn, công việc hay kinh nghiệm học tập.

Về thái độ, sinh viên.:

Xây dựng và phát huy tối đa tinh thần tự học thông qua nghiên cứu sách ngữ pháp, đọc thêm các tài liệu trên mạng internet ...;

Thực hiện nghiêm túc thời gian biểu, làm việc và nộp bài đúng hạn;

Phát huy tối đa khả năng sáng tạo khi thực hiện các hoạt động trên lớp cũng như ở nhà; chia sẻ thông tin với bạn bè và giảng viên;

Tham gia tích cực và có tinh thần xây dựng vào các hoạt động trên lớp, chủ động đặt câu hỏi về những thắc mắc của mình.

1.3.4. Tài liệu học tập:

Với từng mục tiêu cụ thể trên bộ môn Tiếng Anh đã thống nhất lựa chọn giáo trình *New English File Elementary* (Clive Oxeden, Christina Latham-Koeing, Paul Seligson, Oxford University Press, 2010) làm giáo trình chính. Giáo trình gồm 9 bài: Unit 1 đến Unit 9. Trong mỗi bài có 3 phần A, B, C, D cung cấp cho sinh viên kiến thức về đầy đủ các kỹ năng: Nghe, Nói, Đọc, Viết với những chủ điểm Ngữ pháp, Từ vựng, Phát âm cụ thể, rõ ràng. Sau 4 phần chính A, B, C, D, mỗi bài có 1 phần luyện tập (Practical English) đưa ra những bài hội thoại được sử dụng trong thực tế. Phần Viết (Writing) cung cấp cho sinh viên những kỹ năng để có thể viết bài đơn giản, gắn liền với thực tiễn. Cuối mỗi bài đều có phần Ôn tập và Kiểm tra (Revise and Check) giúp sinh viên nhớ lại những kiến thức đã được học. Ngoài những nội dung trên, một lượng không nhỏ bài tập được đưa ra trong cuốn bài tập (Workbook) tổng hợp.

Ngoài ra bộ môn sử dụng một số giáo trình tài liệu tham khảo phổ biến hiện nay với trình độ tương đương như:

- (1) Tom Hutchinson, *Lifelines Elementary* (Student's Book + Workbook), Oxford University Press, 2009.

(2) Liz & John Soars, *New Headway Elementary, Student's Book and Workbook*, Oxford University Press 2012

(3) Cunningham, .S.& Moor, *New Cutting Edge - Elementary*, Student's Book and Workbook, Longman ELTCunningham, 2005.

1.3.5. Hình thức kiểm tra đánh giá

Học phần Tiếng Anh 1 gồm 3 tín chỉ, có 3 bài kiểm tra thường xuyên, một bài kiểm tra giữa kỳ và một bài thi tổng hợp cuối kỳ như sau:

Kiểm tra thường xuyên: 3 bài (Đánh giá mức độ tiến bộ của SV về kỹ năng nghe, nói, về kiến thức ngôn ngữ (Ngữ âm, Ngữ pháp, Từ vựng)

Kiểm tra giữa học phần: 1 bài (Đánh giá mức độ tiến bộ của SV về kiến thức ngôn ngữ (Ngữ âm, Ngữ pháp, Từ vựng) và các kỹ năng Đọc, Viết)

Thi kết thúc học phần: Bài thi kết thúc học phần dưới hình thức trắc nghiệm trên máy tính. Bài thi nhằm đánh giá, xác định sinh viên đã đạt chuẩn theo đề cương môn học; cụ thể đạt trình độ bậc 2 theo KNLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam.

1.3.6. Yêu cầu tự học

Theo đề cương chi tiết, học phần tiếng Anh 1 gồm 3 tín chỉ nên yêu cầu 90 giờ tự học. Nội dung, kế hoạch tự học được thể hiện chi tiết ở phần lịch trình tổ chức dạy học cụ thể đến từng tuần. Trong quá trình học, giảng viên và sinh viên thống nhất, bố trí 9 giờ hướng dẫn tự học cho sinh viên. Các giờ hướng dẫn tự học được xếp vào 3 buổi vào các tuần 5, 8 và 15 của kỳ học. Nội dung tự học chủ yếu được hướng dẫn và yêu cầu trong các sách tham khảo có nội dung học tập tương đương nhằm rèn luyện thêm các ngữ liệu và kỹ năng vừa học trên lớp. Cụ thể từng bài học các em có thể đọc bài và các tài liệu tham khảo tương đương trước các giờ học để chuẩn bị tâm thế sẵn sàng cho bài học mới. Đó cũng là nền tảng tốt để các em tiếp nhận kiến thức của bài giảng mới một cách chủ động hơn, đồng thời trên lớp sẽ không bị động trước các hoạt động tập thể như tham gia thực hành theo cặp, nhóm hay các dự án lớn. Có được điều này sẽ

hỗ trợ cho các em sẽ chủ động hoạch định những việc cần làm sau giờ lên lớp, sớm ôn tập bài vở thật kỹ để tự tin với các bài kiểm tra định kỳ, giữa kỳ và quan trọng nhất là kỳ thi cuối kỳ.

Ngoài ra, trên cơ sở yêu cầu tự học để đạt được mục tiêu môn học, sinh viên có thể linh hoạt các hoạt động tự học của mình như tự học một mình, theo cặp, theo nhóm. Sinh viên phải tự sắp xếp thời gian biểu, tự lập kế hoạch thực hiện kế hoạch. Sau từng giai đoạn của môn học (sau từng bài kiểm tra đánh giá), sinh viên tự đánh giá được kết quả học tập của mình và có thể điều chỉnh kế hoạch học tập cho phù hợp.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG VẤN ĐỀ TỰ HỌC HỌC PHẦN TIẾNG ANH 1 CỦA SINH VIÊN NĂM THỨ NHẤT TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ

2.1. BỐI CẢNH NGHIÊN CỨU VÀ KHÁCH THỂ NGHIÊN CỨU

2.1.1 Bối cảnh nghiên cứu

Để tìm hiểu về thực trạng vấn đề tự học học phần tiếng Anh 1 của sinh viên, nhóm nghiên cứu đã tiến hành khảo sát điều tra bằng phiếu khảo sát, phỏng vấn, trò chuyện và trực tiếp quan sát trên lớp trong quá trình giảng dạy học phần tại trường Đại học Hoa Lư. Đây là cơ sở đào tạo đại học và nghiên cứu khoa học thuộc hệ thống giáo dục quốc dân trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình và chịu sự quản lý nhà nước về giáo dục của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường đào tạo đa ngành nhưng hiện nay đào tạo chủ yếu các ngành học sư phạm như: sư phạm toán học, sư phạm vật lý, hoá học, sinh học, văn học. Ngoài ra, trường còn đào tạo các ngành ngoài sư phạm như: kế toán, quản trị kinh doanh, Việt Nam học. Trường có 7 khoa, 2 bộ môn, 7 phòng ban và 3 trung tâm. Khoa Ngoại ngữ - Tin học bao gồm 2 bộ môn: Tiếng Anh và Tin học. Bộ môn Tiếng Anh- có 17 giảng viên Tiếng Anh, trong đó có 1 nghiên cứu sinh, 14 thạc sỹ, 2 cử nhân.

2.1.2. Khách thể nghiên cứu

Khách thể nghiên cứu của đề tài là 195 sinh viên hệ đại học và cao đẳng chính quy đang học học phần Tiếng Anh 1 tại trường Đại học Hoa Lư và 7 giảng viên dạy tiếng Anh; tuổi đời từ 29 đến 40; có kinh nghiệm giảng dạy tiếng Anh từ 5 đến 18 năm; 6 giảng viên có trình độ thạc sỹ.

Tất cả các sinh viên đang theo học năm thứ nhất thuộc hệ Đại học chính quy khóa 10. Các đối tượng sinh viên được học chương trình Tiếng Anh dành cho sinh viên đại học không chuyên ngữ. Đa số các sinh viên đã theo học chương trình Tiếng Anh phổ thông 10 năm (từ lớp 3 đến lớp 12). Tuy nhiên, các em sinh viên có trình độ Tiếng Anh không đồng đều do điểm đầu vào theo

khối A/D/M giữa các lớp, các lớp Kế toán điểm đầu vào khối D thường có trình độ Tiếng Anh tốt hơn so với các sinh viên Mầm non có điểm đầu vào theo khối C hoặc khối M. Theo chương trình Tiếng Anh hệ đại học, sinh viên phải thực hành tất cả các kỹ năng gồm nghe, nói, đọc, và viết.

2.2. CÁC CÔNG CỤ ĐIỀU TRA

Để thu thập dữ liệu cho việc nghiên cứu, một bảng khảo sát dành cho sinh viên và bảng câu hỏi phỏng vấn dành cho giảng viên được thiết kế để tìm hiểu cụ thể về tình hình tự học của các em.

Bảng khảo sát được phát đến sinh viên vào cuối học kỳ 1 năm học 2017-2018, cụ thể là: 195 sinh viên thuộc 7 lớp đang học học phần Tiếng Anh 1 tại trường Đại học Hoa Lư. Bảng này được thiết kế gồm 19 câu hỏi lựa chọn và câu hỏi mở, yêu cầu đối tượng khảo sát đánh dấu vào các đáp án phù hợp với bản thân hoặc nêu ý kiến riêng của mình. Bảng khảo sát được thiết kế với mục đích:

- Tìm hiểu nhận thức, thái độ của sinh viên đối với việc tự học nói chung và học phần tiếng Anh 1.

- Tìm hiểu các hình thức, phương pháp, kỹ năng tự học học phần tiếng Anh 1 của sinh viên.

- Tìm hiểu về các yếu tố ảnh hưởng đến việc tự học và những khó khăn thường gặp khi sinh viên tự học học phần tiếng Anh 1.

Các giảng viên được phỏng vấn ở cuối kỳ 1 năm học 2017-2018 với mục đích tìm hiểu thêm về tình hình tự học của các em.

2.3. KẾT QUẢ ĐIỀU TRA

2.3.1 Kết quả nghiên cứu từ bảng khảo sát dành cho sinh viên

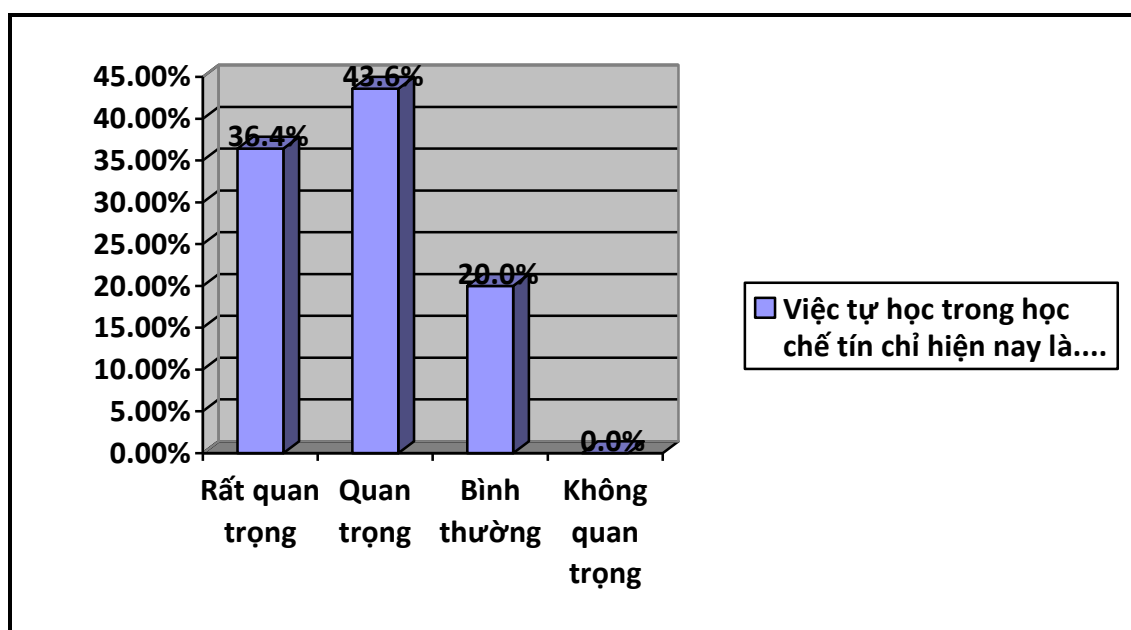
Phần đầu tiên trong bảng khảo sát dành cho sinh viên được thiết kế để tìm hiểu một số thông tin cá nhân của các em. Theo kết quả khảo sát, trên 80% sinh viên là nữ, có tuổi đời từ 18 đến 21. Hầu hết các sinh viên đã theo học

chương trình tiếng Anh phổ thông 10 năm từ lớp 3 đến lớp 12. Chỉ có rất ít các em học tiếng Anh được 7 năm.

Kết quả khảo sát cụ thể được xử lý qua phần mềm excel và phân tích, thảo luận ở các nội dung sau:

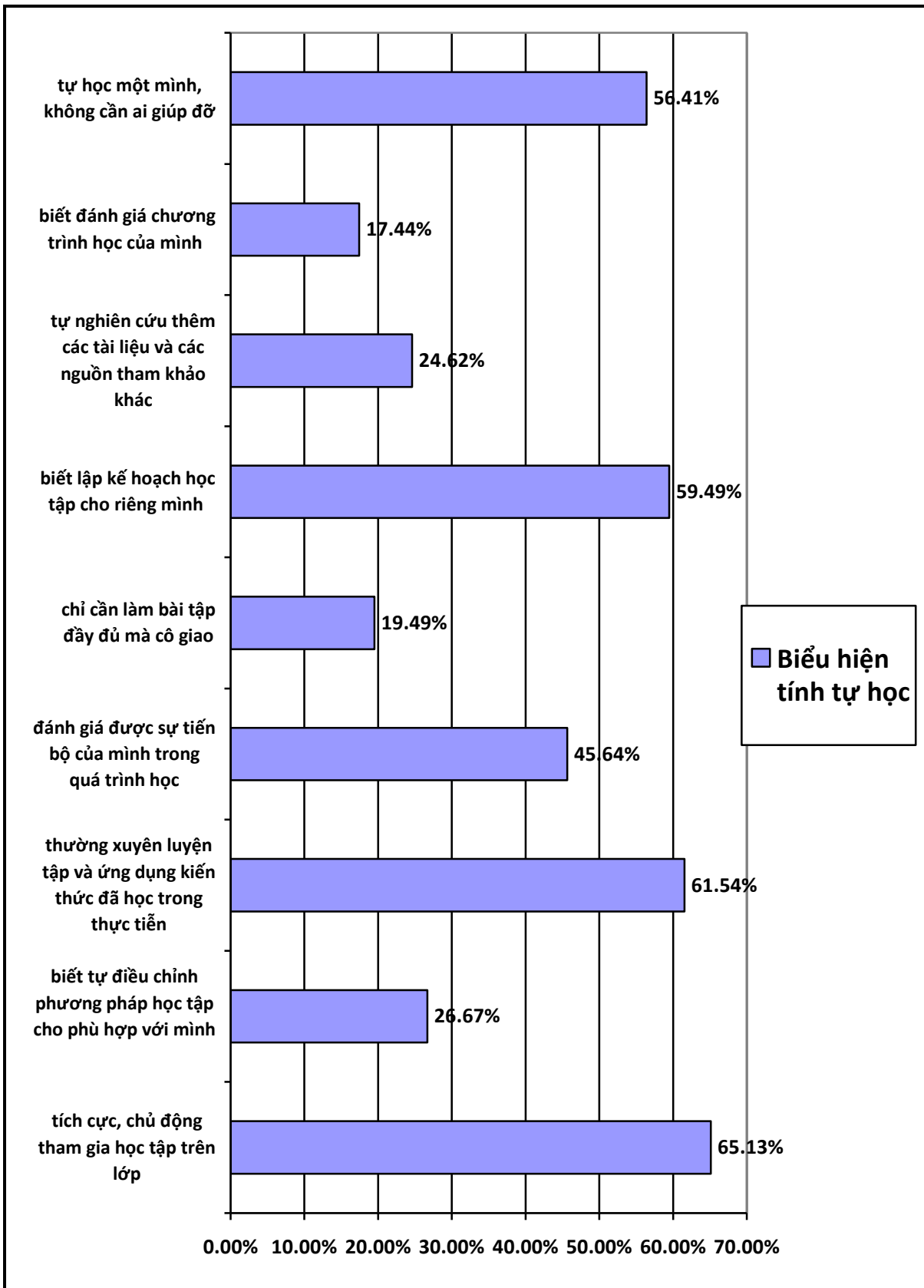
- ***Nhận thức của sinh viên về vấn đề tự học***

Tự học có vai trò vô cùng quan trọng trong quá trình học đại học của sinh viên nhất là trong học chế tín chỉ. Việc làm này đóng vai trò hết sức quan trọng vì qua đó góp phần giúp cho sinh viên rèn luyện khả năng tư duy và sáng tạo, tự chủ của cá nhân. Vì thế, ta thấy thật đáng mừng là đa số sinh viên cho dù mới bước vào bậc đại học khi được hỏi đều nhận thức rằng vấn đề tự học quan trọng (43,6%) và rất quan trọng (36,4%), có 20% sinh viên không đánh giá cao được tầm quan trọng của việc tự học ở bậc đại học mà cho đó là bình thường. Không có sinh viên nào coi tự học là việc không quan trọng.



Biểu đồ 1: Nhận thức của sinh viên về tự học

Nhận thức về các đặc điểm của tự học, nhóm nghiên cứu sử dụng câu hỏi số 2 để khảo sát: “Theo em, những đặc điểm nào sau đây thể hiện một sinh viên có tính tự học tốt?”. Số sinh viên lựa chọn các câu trả lời được thể hiện ở biểu đồ số 2 sau đây:



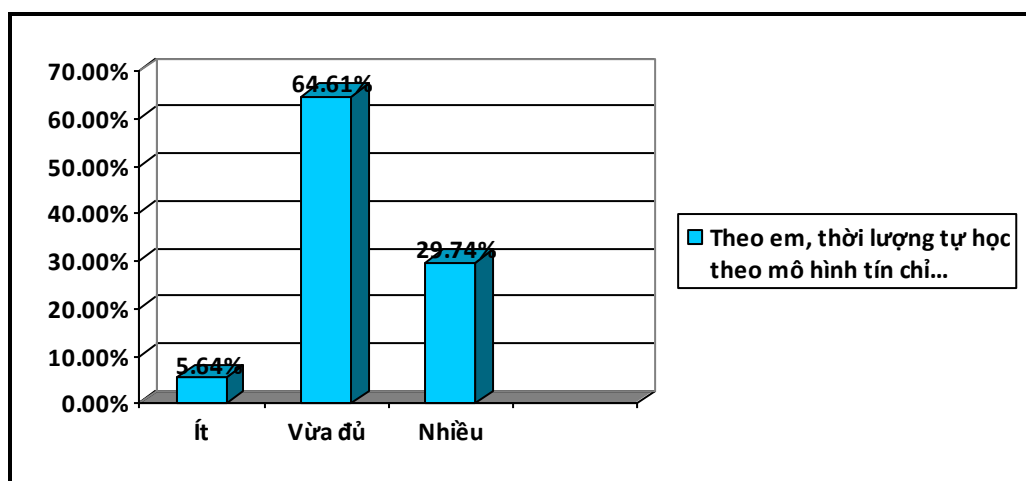
Biểu đồ 2: Nhận thức về biểu hiện tính tự học tốt

Theo kết quả khảo sát, số sinh viên lựa chọn đặc điểm sau nhiều nhất: tích cực, chủ động tham gia học tập trên lớp (65,1%); biết lập kế hoạch học tập

cho riêng mình (59,5%); thường xuyên luyện tập và ứng dụng kiến thức đã học trong thực tiễn (61,5%); tự học một mình, không cần ai giúp đỡ (56,4%).

Như vậy, sinh viên cũng đã phần nào nhận thức các đặc điểm của tính tự học tốt tuy chưa đầy đủ. Chỉ có 26,7% tỉ lệ sinh viên chọn phương án “biết tự điều chỉnh phương pháp học tập cho phù hợp với mình”, 45,6% sinh viên chọn “đánh giá được sự tiến bộ của mình trong quá trình học” và 24,6% chọn “tự nghiên cứu thêm các tài liệu và các nguồn tham khảo khác”. Số sinh viên chọn câu trả lời “biết đánh giá chương trình học của mình” là ít nhất (17,4%). Cũng còn khá nhiều em có nhận định sai khi cho rằng tự học tốt phải là “học một mình mà không cần ai giúp đỡ”. Sinh viên có tính học tốt phải quyết tâm vượt qua những khó khăn, không đầu đót, và nên trao đổi, xin tư vấn nếu có vướng mắc trong học tập.

Cho dù nhận thức được tầm quan trọng của tự học cũng như hiểu được đặc điểm của tự học, thời gian sinh viên dành cho việc tự học chưa thoả đáng thậm chí là quá ít so với yêu cầu. Câu hỏi số 3 và 4 trong bảng khảo sát đã tìm hiểu về ý kiến của các em về thời lượng yêu cầu tự học trong học chế tín chỉ và thời gian các em dành cho việc tự học mỗi tuần. Kết quả được trình bày ở biểu đồ số 3

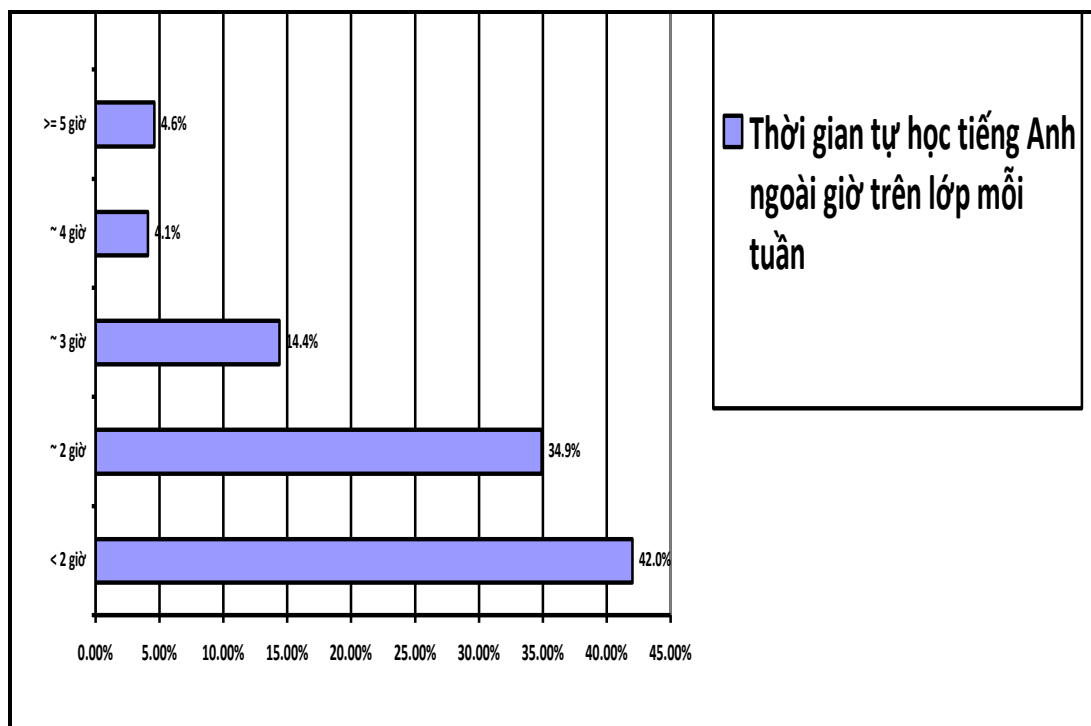


Biểu đồ 3: Đánh giá của sinh viên về thời lượng tự học theo mô hình tín chỉ

Về yêu cầu thời lượng tự học cho mỗi môn học, nhiều em (64,6%) cho rằng theo học chế tín chỉ, thời lượng tự học của sinh viên chiếm 2/3 so với giờ

học trên lớp là bình thường, trong khi chỉ có 29,7 % số các em cho là nhiều và có 5,6% tỉ lệ sinh viên chọn câu trả lời thời lượng đó là “ít”

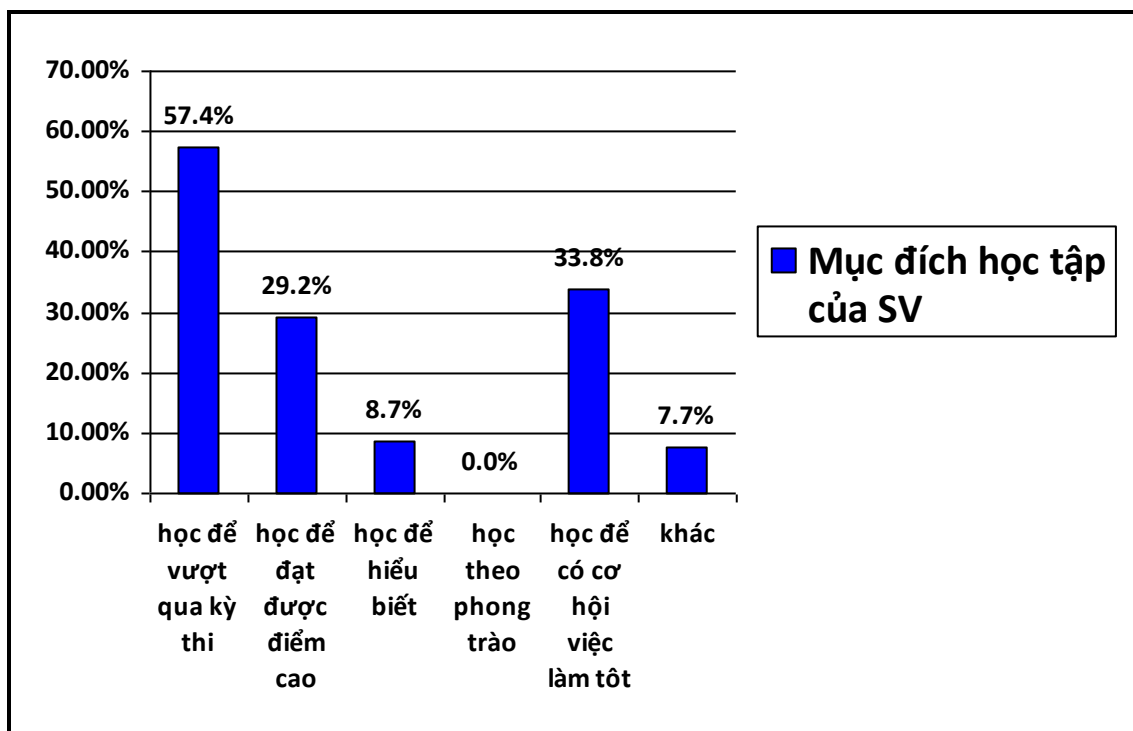
Biểu đồ 4 biểu diễn số giờ sinh viên dành để tự học tiếng Anh mỗi tuần.



Biểu đồ 4: Thời lượng sinh viên học Tiếng Anh ngoài giờ trên lớp mỗi tuần

Với câu hỏi về thời gian dành để tự học môn tiếng Anh mỗi tuần, chỉ có 14,4% số sinh viên dành 3 giờ, 4,1% sinh viên dành 4 giờ và 4,6% số sinh viên dành 5 giờ mỗi tuần trở lên để học tiếng Anh. Trong khi đó có tới 42% sinh viên thú nhận rằng chỉ dành dưới 2 tiếng mỗi tuần để tự học tiếng Anh ở nhà; 34,9% sinh viên dành thời gian khoảng 2 giờ. Nếu chỉ dành ngần ấy thời gian cùng với một tuần lên lớp duy nhất một buổi 3 tiết cho môn ngoại ngữ thì người học không thể đảm bảo học hết chương trình học, không thể rèn luyện được đầy đủ các kỹ năng cần thiết của môn học này và cũng không thể đảm bảo nhớ được các hết số lượng từ vựng trong chương trình. Số giờ học trong mỗi tuần như thế là quá ít so với tầm quan trọng của môn học ngoại ngữ hiện nay và so với nhận thức của các em về tầm quan trọng của việc tự học khi học ở bậc đại học.

Một trong những yếu tố có tính then chốt nhất trong việc học là động lực học tập. Nếu người học có động lực thì sẽ tích cực, tự chủ cho việc học tập của mình dẫn tới kết quả học tập có chất lượng hơn. Nhóm tác giả cũng đã khảo sát về động cơ học tập môn tiếng Anh của các em. Câu hỏi 5 trong bảng khảo sát tìm hiểu về động lực học tập của sinh viên. Theo kết quả khảo sát, có khá nhiều em khi được khảo sát nhận định rằng các em học tiếng Anh với mục đích học tập hiện tại và lâu dài đó là học chỉ để qua kỳ thi học phần (57,4%); học để có cơ hội việc làm tốt hơn sau khi ra trường (33,8%), học để đạt được điểm cao(29,2%); học để hiểu biết (8,7%); cũng có 15 em (7,7%) có đưa thêm ý kiến khác là học để giao tiếp với người nước ngoài; không có em nào chọn ý kiến học theo phong trào. Như vậy nhìn chung sinh viên năm thứ nhất đã xác định được động cơ mục đích học tập của mình. Kết quả này cũng phù hợp với kết quả khảo sát về động lực học tiếng Anh của tác giả Nguyễn Thị Mỹ Hạnh khảo sát trên những sinh viên năm thứ nhất đại học Hoa Lư hai năm trước.



Biểu đồ 5: Mục đích học tập của sinh viên

- **Hình thức, phương pháp tự học của sinh viên**

Trong số các sinh viên được khảo sát, tỉ lệ sinh viên thường xuyên thực hiện hình thức ghi chép bài cẩn thận là 56,4% - đây là hình thức học phổ biến nhất ở dưới phổ thông. Số sinh viên trao đổi bài với giảng viên và các bạn khác 13,3%. Số sinh viên chỉ thỉnh thoảng thực hiện các hình thức trên chiếm tỉ lệ nhiều hơn với 38,8% ghi chép bài, 63,6% đổi bài với giảng viên và các bạn. Những con số trên cho thấy sự chăm chỉ và ý thức học tập của sinh viên chưa cao.

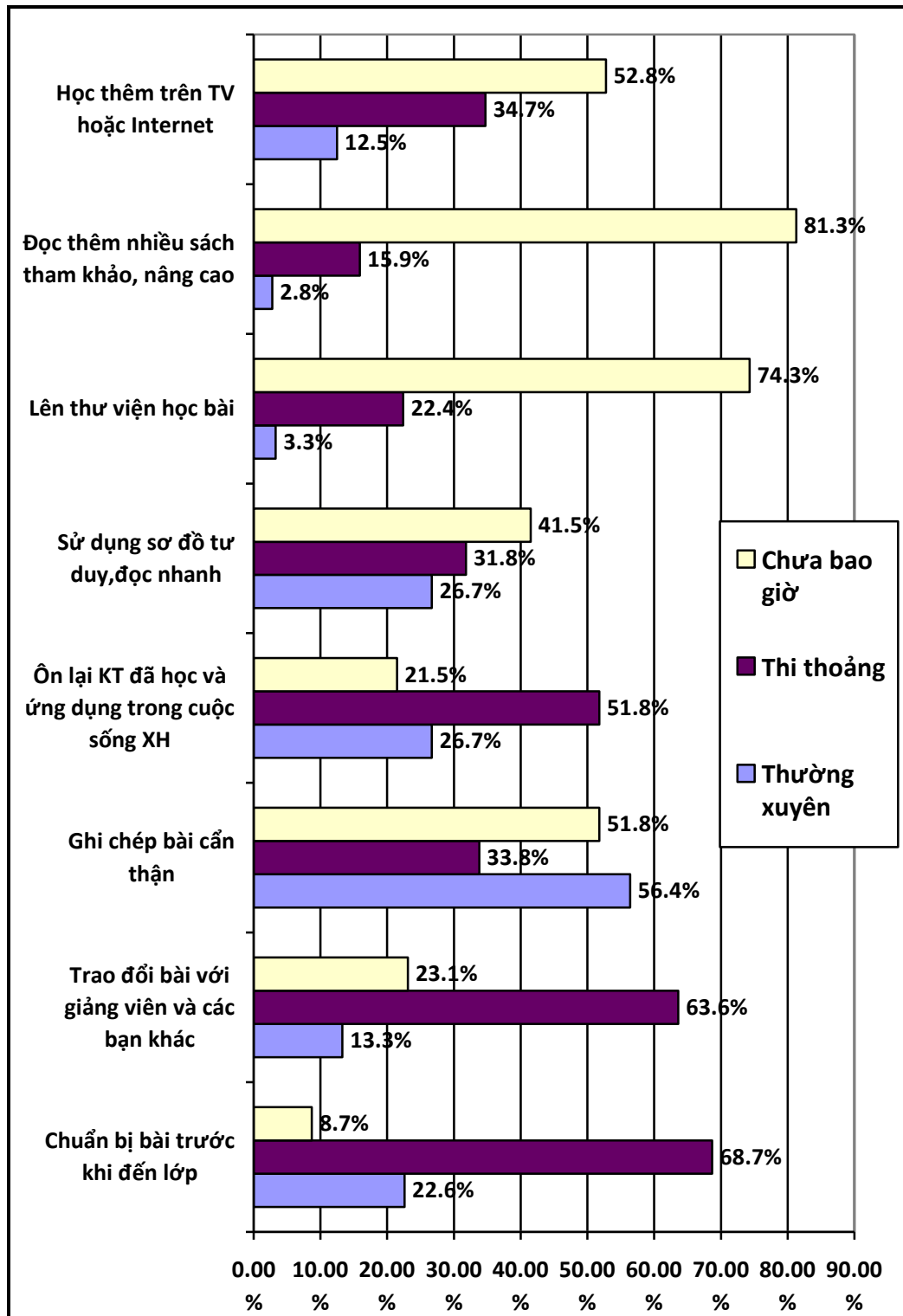
Việc đầu tư tự học để chuẩn bị cho buổi học kế tiếp thường không được quan tâm đúng mức. Có đến 77,4% số lượng sinh viên chưa tạo được thói quen xem bài trước khi lên lớp. Chỉ có 22,6% sinh viên chuẩn bị bài mới. Để đáp ứng tốt yêu cầu học tập theo học chế tín chỉ, qua sự định hướng, cố vấn của giảng viên, sinh viên cần chủ động, tích cực trong quá trình tiếp cận kiến thức. Việc chuẩn bị bài trước khi đến lớp sẽ giúp sinh viên định hướng nội dung kiến thức mới, chuẩn bị tâm thế sẵn sàng cho giờ học tiếp theo. Đồng thời kết quả tự học, tự nghiên cứu hay chuẩn bị bài sẽ là điều kiện cho sự tương tác hiệu quả giữa sinh viên và giảng viên. Tuy nhiên, qua nghiên cứu thực tiễn cho thấy đa số sinh viên chưa quan tâm đúng mức đến nhiệm vụ thiết thực này. Con số 22,6% trên cho thấy tính chủ động tự học của sinh viên chưa cao.

Ngoài ra, số liệu thống kê cho thấy sinh viên ít chịu đọc lại những nội dung đã học, số liệu khảo sát cho thấy có 26,9% sinh viên có học lại bài cũ; 53,8% số lượng sinh viên xác nhận là thỉnh thoảng mới đọc lại nội dung đã học; 11,3% sinh viên không hề học lại bài đã học xong ở trên lớp.

Các phương pháp tư duy hiệu quả đã được rất nhiều người trên thế giới áp dụng và đã thành công trong học tập như: mind mapping (sơ đồ tư duy), phương pháp đọc nhanh ... nhưng có tới 41,5% sinh viên không sử dụng, 31,8% thỉnh thoảng áp dụng và 26,7% số sinh viên thường xuyên dùng phương pháp này.

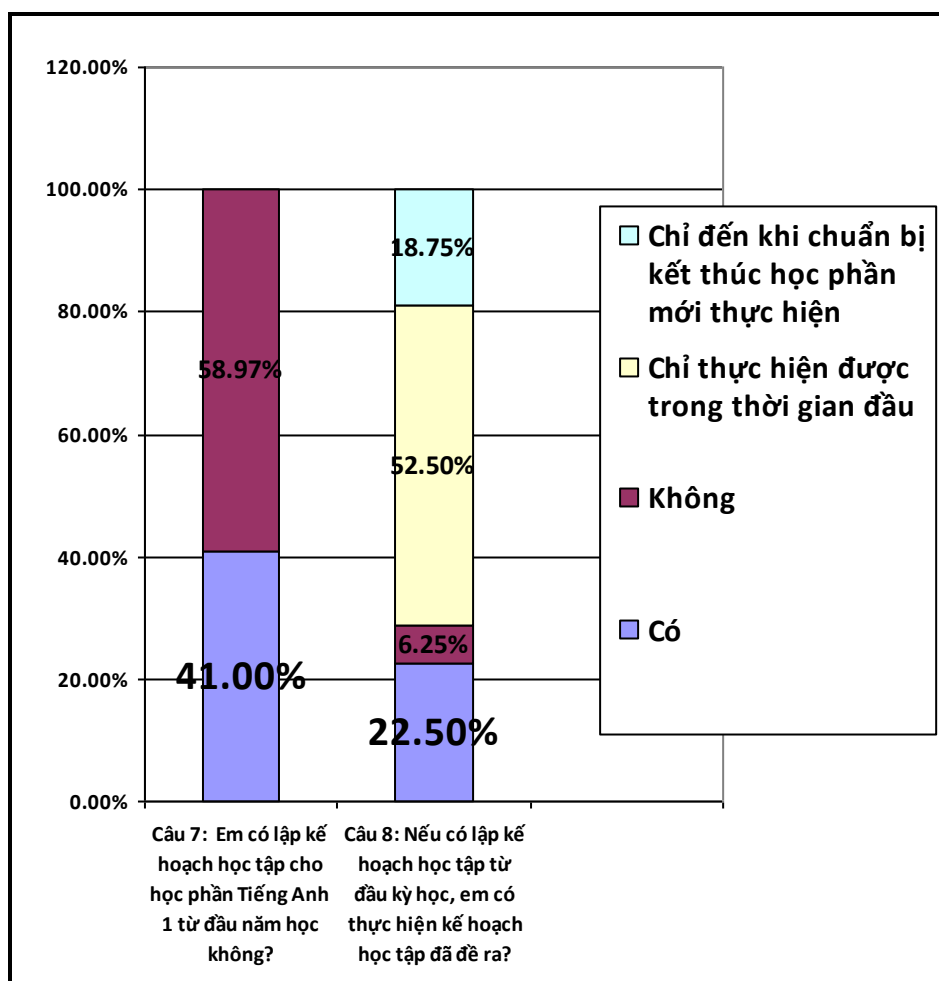
Tìm hiểu kiến thức bên ngoài giáo trình, sách chuyên môn để bổ sung trong quá trình học là quan trọng và cần thiết đối với sinh viên. Nhưng số sinh

viên tự đọc thêm nhiều sách tham khảo, nâng cao ngoài giáo trình và sách thầy cô yêu cầu lại rất hạn chế. Chỉ có 12,5% tỉ lệ sinh viên sử dụng internet để bổ trợ thêm kiến thức tiếng Anh cho mình. Có 81,3% số sinh viên thú nhận không dùng thêm sách, giáo trình, tư liệu. Hình thức sinh viên ít dùng nhất là lên thư viện học bài (3,3%).



Biểu đồ 6: Mức độ các hình thức tự học của sinh viên

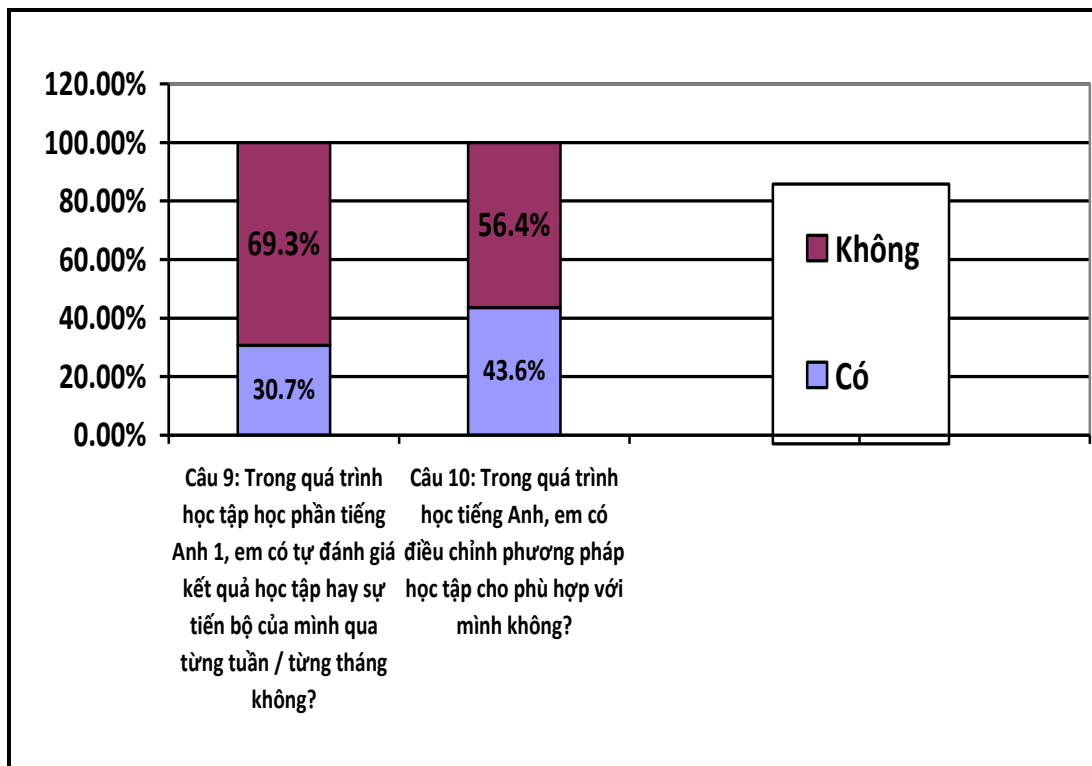
Câu hỏi số 7 và 8 khảo sát việc lập kế hoạch học tập môn tiếng Anh của sinh viên. Kết quả như sau:



Biểu đồ 7: Lập kế hoạch học tập và việc thực hiện kế hoạch

Người có tính tự học tốt trước tiên phải là người biết sắp xếp thời gian học tập một cách hợp lý và tự lập kế hoạch học tập cho riêng mình đồng thời phải biết tuân thủ kế hoạch học tập đó. Tuy vậy, số các em lập và thực hiện kế hoạch học tập đã đề ra không nhiều. Trong số 195 em được khảo sát có 41% sinh viên có đề ra kế hoạch học tập. Trong số các em đề ra kế hoạch học tập từ đầu năm, chỉ có 22,5% em có thực hiện kế hoạch học tập của mình, 52,5% số em chỉ thực hiện trong thời gian đầu, 18,8% số em chỉ đến khi chuẩn bị kết thúc học phần mới thực hiện và 6,3% có lập kế hoạch nhưng không thực hiện.

Về vấn đề tự đánh giá, tự điều chỉnh khi hoạt động học tập chưa phù hợp và hiệu quả với mình. Nhóm nghiên cứu sử dụng câu hỏi số 9 và 10 trong bảng khảo sát để điều tra. Kết quả thể hiện trong bảng sau đây:

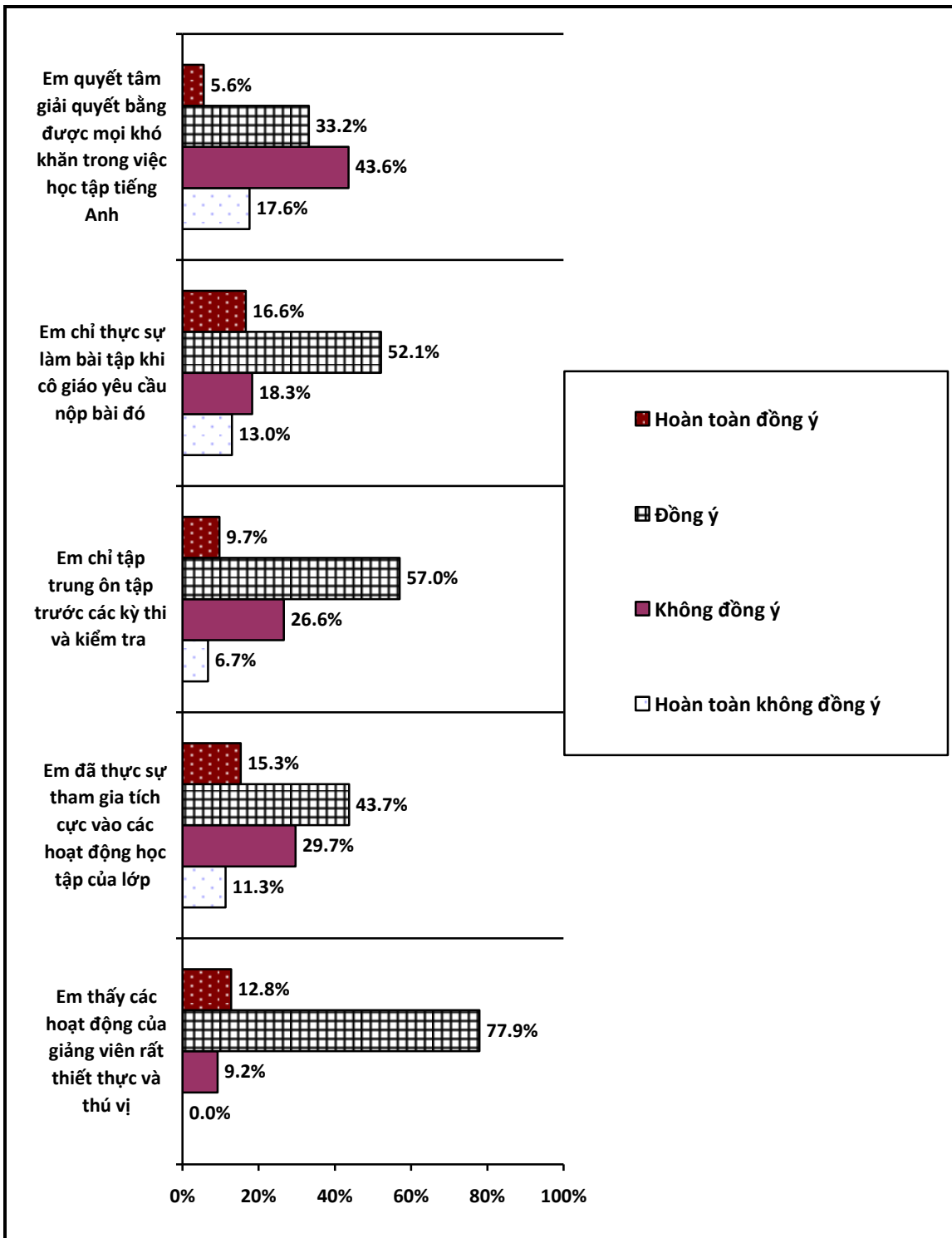


Biểu đồ 8: Tự đánh giá KQ và điều chỉnh PP học tập

Như vậy, số sinh viên thường xuyên tự đánh giá kết quả học tập và sự tiến bộ của bản thân là chiếm thiểu số so với số sinh viên không quan tâm đến sự tiến bộ của mình. Tương tự như vậy, số sinh viên có điều chỉnh phương pháp học tập cho phù hợp với bản thân cũng không nhiều.

- ***Sự tích cực tham gia các hoạt động học tập***

Tìm hiểu về sự tích cực tham gia các hoạt động học tập tiếng Anh trên lớp chúng tôi sử dụng một bảng câu hỏi 4 cấp độ đối với một số nhận định và kết quả thu được như sau:



Biểu đồ 9: Sự tích cực tham gia các hoạt động học tập tiếng Anh.

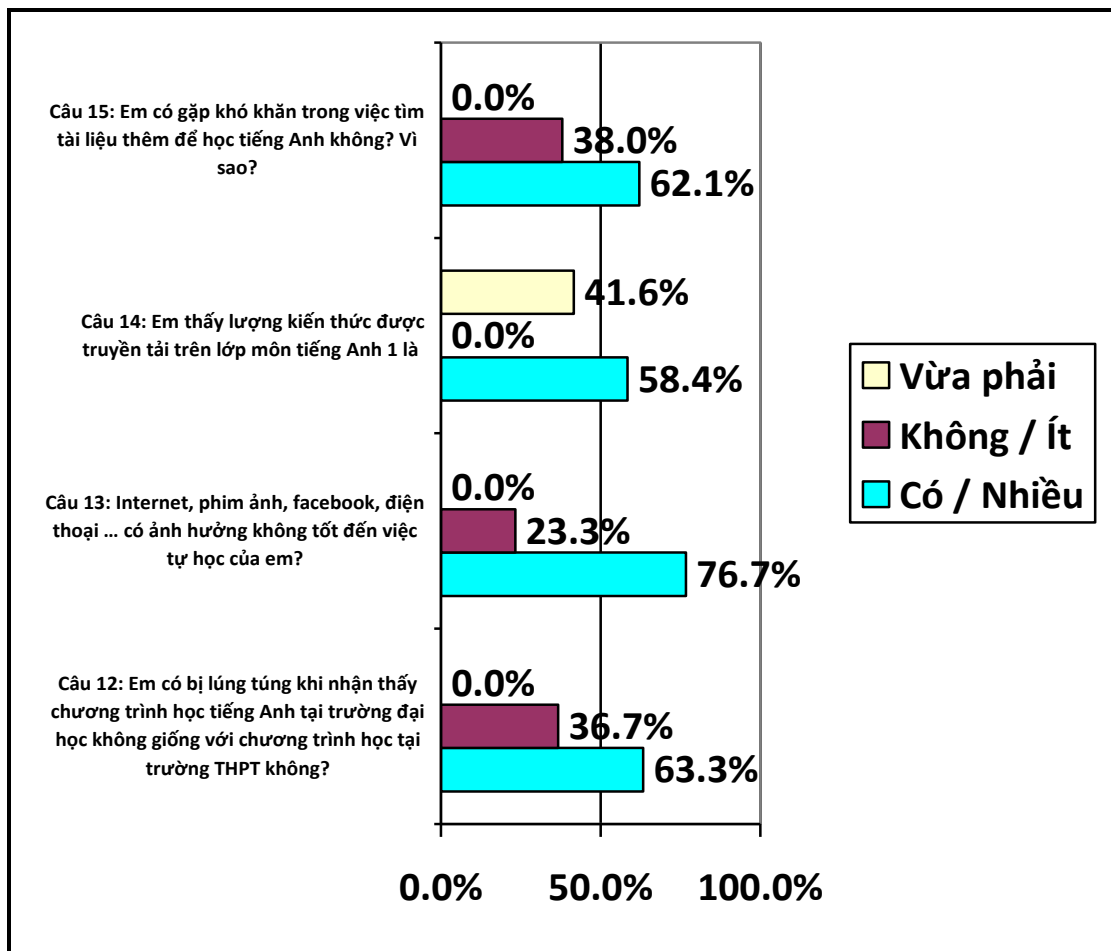
Theo bảng thống kê, rất nhiều sinh viên đã thấy các hoạt động của giảng viên rất thiết thực và thú vị. Họ cũng thấy hứng thú và tham gia tích cực vào các hoạt động của thầy cô trên lớp. Như vậy, nhiều sinh viên đã tích cực và tự chủ trong các giờ học tiếng Anh trên lớp do các hoạt động của các thầy cô khá hấp dẫn, sinh viên thấy hứng thú trong học tập. Thế nhưng có tới 66,7% tỉ lệ

sinh viên chỉ tập trung ôn tập trước các kỳ thi và kiểm tra. Con số này cho thấy nhiều sinh viên còn khá thụ động trong việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao về nhà. Có tới 68,7% sinh viên thú nhận chỉ làm bài tập khi cô yêu cầu nộp lại.

Số liệu ở bảng 4 cũng cho thấy sự không quyết tâm vượt qua khó khăn trong học tập tiếng Anh của sinh viên. Có 39,7% sinh viên đồng ý nhận định “quyết tâm giải quyết bằng được mọi khó khăn trong việc học tập tiếng Anh”. Số còn lại 60,3% tỉ lệ sinh viên khi gặp vấn đề khó thường không quyết tâm để vượt qua.

- **Các yếu tố ảnh hưởng tới việc tự học tiếng Anh của sinh viên**

Câu hỏi số 12 đến 19 tìm hiểu những yếu tố ảnh hưởng đến việc tự học tiếng Anh cũng như những khó khăn sinh viên thường gặp. Kết quả điều tra được thể hiện ở bảng sau



Biểu đồ 10: Yếu tố ảnh hưởng tới tự học

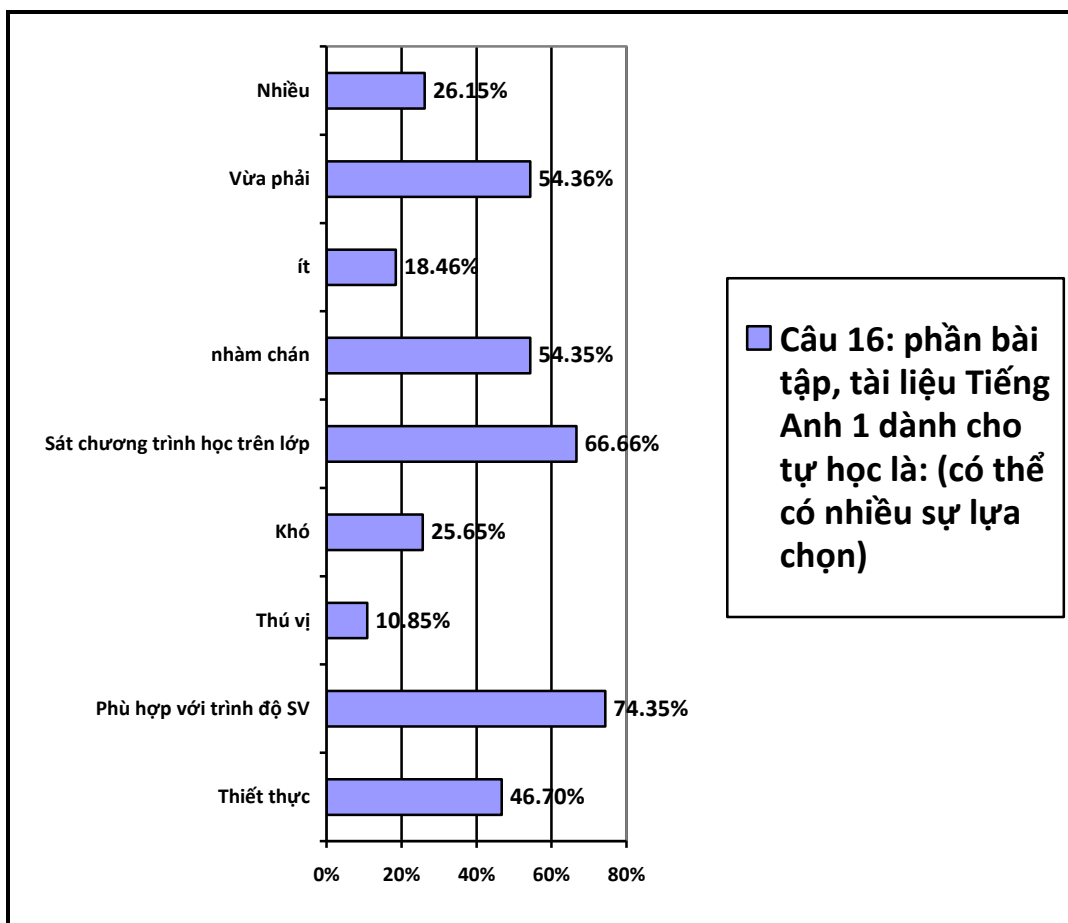
Theo số liệu thống kê, 63,3% sinh viên có cùng quan điểm rằng môn tiếng Anh ở phổ thông khác so với chương trình tiếng Anh 1 và lúng túng khi bước đầu làm quen với việc phải học cả bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết.

Ngày nay sự bùng nổ của công nghệ thông tin giúp ích cho việc học tập của sinh viên nhưng nó cũng có ảnh hưởng tiêu cực tới các em. Có tới 76,7% cho rằng các phương tiện thông tin giải trí như Internet, facebook, điện thoại cũng làm lãng phí thời gian và ảnh hưởng rất nhiều đến chất lượng tự học của sinh viên.

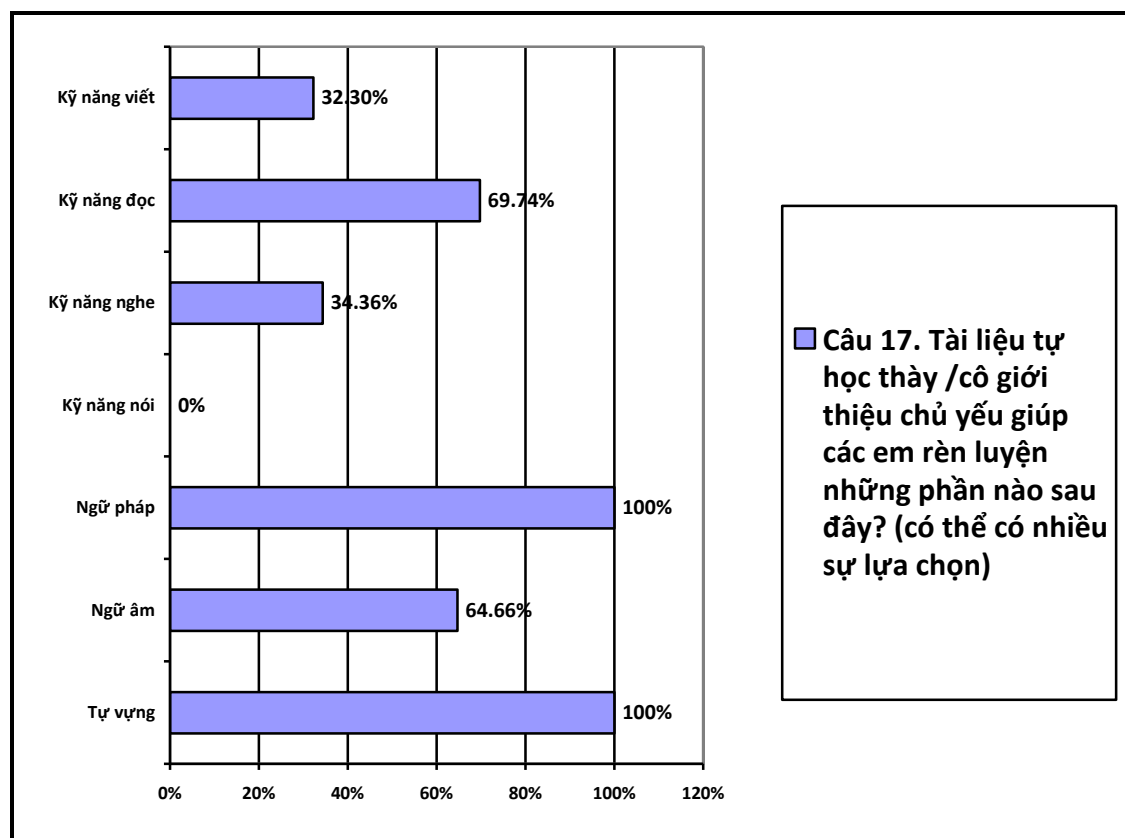
Lượng kiến thức tiếng Anh học ở trên lớp mỗi buổi học được cho là khá nhiều đối với nhiều em. Chỉ có 41,6% các em nói rằng lượng kiến thức học ở mỗi buổi trên lớp là vừa phải. Cũng là dễ hiểu khi chương trình của bộ giáo dục quy định và chuẩn đầu ra của trường vẫn giữ nguyên trong khi giờ tiếp xúc trên lớp giảm đi.

Mặc dù sách báo, tài liệu và video hướng dẫn học tiếng Anh tràn ngập thị trường và trên mạng Internet nhiều em vẫn phản ánh rằng các em có gặp khó khăn trong việc tìm tài liệu phù hợp để học. Cũng theo ý kiến của sinh viên, nguyên nhân là do các em không biết nên dùng loại nào do các sách đều viết bằng tiếng Anh và điều đó là quá sức đối với những em đang ở trình độ sơ cấp. Cũng có em cho rằng tài liệu cô giao đã khá nhiều nên không tìm tài liệu thêm nữa.

Nhận xét về tài liệu thầy cô giao tự học có khoảng 70% sinh viên cho rằng tài liệu sát chương trình học và phù hợp với trình độ của các em. 46,7% sinh viên đồng ý với ý kiến tài liệu đó là thiết thực. Lượng bài tập giao cũng khá vừa phải với các em. Tuy nhiên, các em cũng nhận định rằng tài liệu đó còn nhàm chán, không thú vị. Do đặc thù môn học nên tài liệu mới chủ yếu yêu cầu luyện tập các kiến thức ngôn ngữ, chưa rèn được các kỹ năng một cách đồng bộ, đặc biệt là kỹ năng nói.



Biểu đồ 11: Quan điểm của SV đối với phần bài tập, tài liệu Tiếng Anh 1 dành cho tự học



Biểu đồ 12: Quan điểm về tài liệu tự học.

Câu hỏi 18 và 19 trong bảng khảo sát là hai câu hỏi mở. Nhóm nghiên cứu hỏi ý kiến các em về những khó khăn khác mà các em thường gặp khi tự học học phần tiếng Anh 1. Nhiều ý kiến khác nhau đã được bổ sung, đó là: mất căn bản về kiến thức, vốn từ vựng ít, phát âm chưa đúng, chưa có nhiều cơ hội để giao tiếp, khó khăn khi học kỹ năng nghe, nói, thời gian hạn hẹp.

Ngoài ra nhóm nghiên cứu còn khảo sát ý kiến của các em về các biện pháp để cải thiện tình hình tự học tiếng Anh của mình. Nhiều em cho rằng phải vạch kế hoạch học tập cụ thể, rõ ràng cho riêng mình, bản thân phải tự cố gắng, có động lực học tập tốt, rèn luyện kỹ năng giao tiếp nhiều hơn.

2.3.1 Kết quả nghiên cứu từ việc phỏng vấn giảng viên

Để tìm hiểu kỹ hơn về tình hình tự học của sinh viên năm thứ nhất trường đại học Hoa Lư nhóm nghiên cứu đã tiến hành thêm một cuộc phỏng vấn với 7 giảng viên đã và đang giảng dạy học phần tiếng Anh 1. Các câu hỏi phỏng vấn tập trung điều tra về: nhận thức của giảng viên về vai trò của tự học, vai trò của giảng viên trong việc hình thành, phát triển tính tự học cho sinh viên, tình hình tự học của sinh viên khoá D10, những giải pháp để cải thiện và nâng cao tính tự học cho sinh viên. Kết quả cụ thể được thảo luận như sau:

Tất cả các giảng viên đều thừa nhận tầm quan trọng của tự học khi nhà trường chuyển sang hình thức đào tạo theo học chế tín chỉ. Họ cũng thừa nhận vai trò hình thức dạy học trên lớp cũng đã thay đổi theo hướng người thầy là quản lý, hướng dẫn, hỗ trợ tư vấn và điều chỉnh việc học tập cho sinh viên.

Về việc hướng dẫn chương trình, giáo trình, tài liệu tự học, tất cả các giảng viên đều đã phát đề cương chi tiết, hướng dẫn giáo trình chính, tài liệu tham khảo, các yêu cầu, nhiệm vụ học tập ngay từ những tuần đầu tiên của kỳ học. Các thầy cô cũng đã giới thiệu cho sinh viên phương pháp học tập hiệu quả thông qua các bài giảng trên lớp.

Bàn về thái độ, sự tích cực tham gia học tập học phần tiếng Anh 1, có 5/7 giảng viên nhận thấy sinh viên khá thích thú và tích cực tham gia các hoạt động học tập trên lớp nhưng chỉ ở nửa kỳ học đầu tiên. Vào cuối kỳ học, do

kiến thức ngày một khó và nhiều hơn nên mức độ tích cực tham gia học tập của sinh viên giảm dần thậm chí một số sinh viên còn nản chí vì không theo kịp. Giảng viên cũng cho rằng nếu tình hình học tập hiện tại không được cải thiện thì những học phần sau khi yêu cầu học tập cao hơn, sinh viên sẽ gặp khó khăn nhiều hơn trong việc tự học.

Đa số giảng viên đều nhận thấy sinh viên có làm bài tập về nhà nếu thầy cô giao và chấm rồi chữa. Tỷ lệ trung bình các em làm bài tập là khoảng 60 – 70%. Tuy nhiên, nếu có bài tập khó thì các em thường không làm và rất ít sinh viên trao đổi hỏi cách làm. Các giảng viên cũng xác nhận rằng ngoài giờ học chính khoá, sinh viên rất ít khi liên lạc để trao đổi về bài học cũng như nguồn tài liệu học thêm. Trong cả kỳ học, chỉ có 3 lượt sinh viên hỏi xin tư vấn về cách tự học đối với môn tiếng Anh. Điều này cho thấy sự thụ động trong việc học tập của sinh viên. So sánh với kết quả khảo sát sinh viên ta thấy sinh viên chỉ trao đổi bài với các bạn mà không trao đổi với thầy cô. Học phần tiếng Anh 1 bố trí 9 giờ hướng dẫn tự học nhưng các thầy cô chủ yếu kiểm tra tiến trình học của các em, chữa một số bài tập khó. Thời gian 9 giờ cho mỗi kỳ được cho là quá ít và không đủ để có thể hướng dẫn cặn kẽ cho các em.

Về vấn đề ảnh hưởng tới sự tích cực và chủ động của sinh viên khi học học phần này, có 4/7 thầy cô cho rằng đó là năng lực tiếng Anh đầu vào của sinh viên còn thấp mặc dù các em đã có nhiều năm học ở phổ thông, phương pháp, kỹ năng tự học của sinh viên còn chưa hợp lý, ảnh hưởng nhiều từ phương pháp học ở phổ thông – cô giao bài thì trò mới làm. Cô phải thúc giục thì các em mới làm việc. Ý thức tự học hỏi, tích cực chủ động của sinh viên chưa cao, còn thụ động. Vấn đề tài liệu học tập cũng được các thầy cô quan tâm. Khi được hỏi ý kiến về tài liệu thầy cô giao để tự học ở nhà các quan điểm đều đồng ý rằng tài liệu chưa rèn được các kỹ năng giao tiếp cho các em do đặc thù môn học do đó dẫn đến việc sinh viên không hứng thú.

Đóng góp cho các biện pháp nhằm cải thiện và nâng cao tính tự học cho sinh viên các thầy cô cho rằng cần phải có các giải pháp nâng cao nhận thức

cho sinh viên về tầm quan trọng của tự học; dạy cho sinh viên phương pháp học ở đại học; bản thân thầy cô cần đổi mới phương pháp dạy học theo hướng giao nhiệm vụ nhiều hơn nữa để tăng thời lượng tự học ở nhà cho các em. Một số phương pháp, đường hướng đang được sử dụng phổ biến hiện nay là dạy học dự án, dùng bộ sưu tập tài liệu v.v. cũng được đa số các thầy cô gợi ý sử dụng. Ngoài ra cần tạo môi trường học tập tương tác, không khí làm việc thân thiện để các em cởi mở hơn, bớt tâm lý e ngại mà tăng cường trao đổi kiến thức và phương pháp học tập.

2.4. KẾT LUẬN VỀ THỰC TRẠNG TỰ HỌC HỌC PHẦN TIẾNG ANH 1 CỦA SINH VIÊN

Các giảng viên có tuổi đời còn khá trẻ, được đào tạo từ những trường có uy tín về ngoại ngữ, vì thế họ có hiểu biết chuyên môn vững vàng và được tiếp cận với phương pháp giảng dạy hiện đại. Điều này đảm bảo kiến thức truyền đạt cho sinh viên chính xác, khoa học và sinh viên được khích lệ chủ động khai thác kiến thức và là trung tâm của hoạt động dạy và học. Hơn nữa, họ đều có lòng nhiệt tình và sẵn sàng thay đổi vì chất lượng giảng dạy và tương lai học trò. Chính vì thế ở trên lớp, các giảng viên đã có những hoạt động học tập hiệu quả làm cho giờ học trở nên sinh động, thú vị, thu hút sinh viên vào các hoạt động học tập.

Hầu hết sinh viên có thời gian học tiếng Anh khá dài (7-10 năm), điều này có nghĩa là các em được tiếp xúc với tiếng Anh từ lâu và quen với ngôn ngữ cũng như cấu trúc tiếng Anh. Đây là một yếu tố thuận lợi giúp sinh viên mạnh dạn tham gia các hoạt động trong lớp hơn.

Tuy nhiên, kết quả khảo sát đã thể hiện một số hạn chế trong vấn đề tự học của sinh viên như sau:

Tuy ý thức được tầm quan trọng của việc tự học ở bậc đại học cũng như xác định được động lực học tập môn tiếng Anh, nhiều sinh viên vẫn không dành cho việc tự học một khoảng thời gian thoả đáng. Thời gian họ dành cho việc học tiếng Anh ở nhà là quá ít so với yêu cầu môn học.

Hình thức, phương pháp, kỹ năng tự học của sinh viên chưa hợp lý, đa dạng và hiệu quả cao. Sinh viên chủ yếu là ghi chép bài đầy đủ trên lớp. Đây chính là sự ảnh hưởng của cách học tập ở phổ thông. Việc sử dụng các phương pháp học tập tích cực như sơ đồ tư duy, đọc nhanh, ghi nhận siêu tốc.... chưa thường xuyên. Số sinh viên có lập kế hoạch cho việc học tập tiếng Anh của mình từ đầu kỳ học không nhiều. Việc tuân thủ theo kế hoạch học tập và điều chỉnh kế hoạch sao cho phù hợp dường như rất khó khăn. Sinh viên cũng chưa đánh giá được các mục tiêu mình đạt được và đề ra chiến lược học tập cho mình. Cách học tập còn mang tính đối phó. Chỉ làm bài tập khi giảng viên giao và yêu cầu phải nộp bài. Sinh viên chưa biết tìm tài liệu phù hợp ngoài giáo trình để hỗ trợ nâng cao năng lực ngoại ngữ cho mình. Sinh viên không những chưa biết khai thác công nghệ thông tin một cách hiệu quả trong học tập mà còn để nó ảnh hưởng tới việc tập trung khi học bài.

CHƯƠNG 3

ĐỀ XUẤT MỘT SÔ BIỆN PHÁP NHẪM CẢI THIỆN VIỆC TỰ HỌC CHO SINH VIÊN KHI HỌC HỌC PHẦN TIẾNG ANH 1

Để có thể thích ứng với phương thức đào tạo và phương pháp dạy - học mới, trước tiên đòi hỏi cả thầy và trò phải thực sự có ý thức thay đổi để thoát khỏi những thói quen cũ. Hình thức dạy học theo tín chỉ, bản thân nó đã mang tính chất là một sự “cởi mở” và dân chủ, giữa thầy với trò, giữa trò với trò. Người thầy không những phải đáp ứng cho học trò về mặt kiến thức mà còn về phương pháp: xử lí tài liệu, cập nhật thông tin, tổ chức các nhóm học, các buổi thuyết trình hay trình chiếu. Bản thân người học phải cố gắng không ngừng trong việc tiếp cận phương pháp học tập mới và các kĩ năng mới. Trong khuôn khổ đề tài này chúng tôi xin đề xuất một số giải pháp sau đây nhằm cải thiện và nâng cao tính tự học cho sinh viên trong việc học học phần tiếng Anh 1.

3.1. Đối với giảng viên

Việc làm thường xuyên của mỗi giảng viên là phải xây dựng quyết tâm và động lực tự học cho sinh viên, giúp sinh viên tìm cách vươn lên và có định hướng học tập đúng đắn. Cho dù sinh viên có nhận thức đúng, động cơ học tập tốt, giảng viên vẫn nên giúp cho sinh viên nhận thức đầy đủ hơn, sâu sắc hơn về vị trí, tầm quan trọng của việc tự học, tự rèn luyện môn học thiết thực này và biến nhận thức thành hành động. Giải pháp này có thể được thực hiện bằng cách: giảng viên thông qua các buổi học, các buổi sinh hoạt câu lạc bộ, tọa đàm trao đổi để thấy được ý nghĩa, vị trí vai trò của vấn đề tự học ở bậc đại học. Từ đó nâng cao nhận thức, sự hiểu biết tiến tới xác định ý thức trách nhiệm của bản thân trong tổ chức thực hiện một cách tự giác, chủ động, vui vẻ và trách nhiệm cao.

Thứ hai, giảng viên cần giúp sinh viên nắm được phần tự học trong đề cương môn học ngay từ tuần đầu tiên. Do lịch trình tổ chức dạy học trong đề cương chi tiết thường viết bằng tiếng Anh, giảng viên nên hướng dẫn, giải thích cặn kẽ và giám sát quá trình thực hiện ngay từ những tuần đầu tiên của kỳ học

nhằm giúp sinh viên hiểu rõ và không lúng túng khi thực hiện và thực hiện nó theo nề nếp. Đối với các tài liệu học tập, giảng viên nên thiết kế, lựa chọn tài liệu, phân loại theo độ khó để phù hợp với từng nhóm đối tượng sinh viên và có hướng dẫn chi tiết, cụ thể.

Thứ ba, giảng viên cần hướng dẫn sinh viên cách học ở đại học, các kỹ năng cần thiết khi học như phương pháp sử dụng tư duy, đọc nhanh, ghi nhận siêu tốc, ... Ngoài ra cần tăng cường hướng dẫn, giúp đỡ sinh viên xây dựng kế hoạch tự học khoa học, hợp lý, phù hợp với điều kiện của mình để đạt tới đích một cách hiệu quả nhất. Giảng viên cũng cần giám sát việc thực hiện kế hoạch học tập của sinh viên một cách thường xuyên và kịp thời tư vấn khi sinh viên cần.

Bên cạnh đó, kiểm tra, đánh giá hoạt động tự học của sinh viên cũng không thể xem nhẹ. Trong phương thức đào tạo theo tín chỉ, khi hoạt động tự học là một thành phần bắt buộc trong cơ cấu thời khóa biểu thì cần phải có các hình thức kiểm tra, đánh giá hoạt động này. Nếu giảng viên chỉ giao nhiệm vụ tự học mà không tổ chức kiểm tra, đánh giá thì hoạt động học tập này chỉ mang tính hình thức, đối phó mà không đem lại kết quả như mong muốn. Giảng viên thường xuyên đánh giá sinh viên trong suốt quá trình của môn học thông qua các hình thức kiểm tra đa dạng như bài tập cá nhân; bài tập nhóm (project), các bài thi giữa kỳ, cuối kỳ. Giảng viên cũng cần xây dựng các tiêu chí đánh giá cụ thể để đảm bảo sự công bằng cho các em.

Thứ năm, một trong những giải pháp chính trong việc nâng cao ý thức tự học của sinh viên là việc đổi mới cơ bản phương pháp dạy học của giảng viên. Định hướng cơ bản trong đổi mới phương pháp giảng dạy theo học chế tín chỉ là tích cực chuyển từ lối truyền đạt kiến thức một chiều từ phía giảng viên sang việc tăng cường tổ chức các hoạt động học tập cho sinh viên, phát huy vai trò tích cực, chủ động, sáng tạo, rèn luyện kỹ năng thực hành, bồi dưỡng năng lực tự học, tự nghiên cứu cho sinh viên. Một trong những hình thức tổ chức dạy học hiện nay đang được nhiều người áp dụng và quan tâm là phương pháp sử

dụng dự án học tập (project) trong giảng dạy để nâng cao tính tự học của sinh viên. Phương pháp này đã được nhiều nhà giáo dục nghiên cứu, nhiều giảng viên quan tâm ứng dụng trong giảng dạy nhất là giảng dạy ngoại ngữ do phương pháp này có một số đặc điểm vượt trội hơn so với các phương pháp truyền thống. Theo Nguyễn Phương Hoa (2005), dự án là phương pháp tổ chức cho giáo viên và học sinh cùng nhau giải quyết không chỉ về mặt lý thuyết mà còn về mặt thực tiễn một nhiệm vụ học tập có tính chất tổng hợp và tạo điều kiện cho học sinh cùng và tự quyết định trong tất cả các giai đoạn học tập, kết quả là tạo ra được một sản phẩm hoạt động nhất định. Tại trường đại học Hoa Lư đã có tới 2 giảng viên khoa ngoại ngữ đã và đang nghiên cứu về hình thức học tập này. Đó là nghiên cứu ứng dụng của Mai Thị Thu Hân và cộng sự (2017) cho sinh viên D6VNH khi học học phần tiếng Anh chuyên ngành lễ hội. Kết quả nghiên cứu đã cho thấy dự án học tập tham gia tích cực vào việc phát triển tính tự học của sinh viên. Sinh viên đã có ý thức tốt hơn về việc tự học, dành nhiều thời gian hơn cho việc tự học, có sự tiến bộ về năng lực, kỹ năng, phương pháp và kiến thức ngôn ngữ, và có khả năng tự đánh giá được sự tiến bộ và những thành tích học tập, tự đánh giá chương trình học của mình. Ngoài ra nghiên cứu của giảng viên Phạm Đức Thuận đang được triển khai ở học phần tiếng Anh 2 bước đầu cũng cho những dấu hiệu tích cực về sự phát triển năng lực tự học cho sinh viên.

Về tài liệu học tập cho sinh viên, nhóm nghiên cứu xin đề xuất giảng viên nên biên tập lại các nội dung tài liệu. Theo đó, giảng viên nên tăng cường các bài tập rèn kỹ năng nghe, nói, giao nhiệm vụ phù hợp với từng nhóm đối tượng. Giảng viên có thể phát huy năng lực sẵn có của các nhóm sinh viên để giao nhiệm vụ tự học phù hợp cho họ. Chẳng hạn như đối với các sinh viên ngành tiểu học, mầm non ta có thể yêu cầu các nhiệm vụ liên quan đến năng khiếu nhạc, hoạ như làm báo tường bằng tiếng Anh, vẽ tranh ảnh minh hoạ các chủ đề từ vựng ... Sinh viên kế toán có thể thiết kế các video quảng cáo giới thiệu sản phẩm liên quan tới các chủ đề từ vựng đã học. Sinh viên Việt Nam học có thể thiết kế các video hướng dẫn du lịch ... Những việc làm này sẽ kích

thích sinh viên tăng cường trao đổi trong nhóm, có hứng thú với học tập và tăng thời gian tự học.

Tất cả những giải pháp trên đều rất tốn thời gian, công sức đòi hỏi giảng viên phải có sự tâm huyết, lòng đam mê cũng như sự nỗ lực rất lớn. Hiện nay đã có nhiều phần mềm, chương trình hỗ trợ cho việc giảng dạy và quản lý lớp học giúp tăng hiệu quả quản lý cũng như giảm thiểu thời gian quản lý, chấm bài cho giảng viên như Google Form, Edmodo, Kahoot... Do đó, giảng viên nên tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin nhằm nâng cao hiệu quả của đổi mới phương pháp giảng dạy, giảm thiểu thời gian chấm bài và quản lý hoạt động học tập của sinh viên.

3.2. Đối với sinh viên

Bên cạnh sự hướng dẫn của giảng viên thì hoạt động tự học chỉ có thể thực sự đem lại hiệu quả khi có sự nỗ lực của bản thân chủ thể tham gia, đó chính là sinh viên. Khi chuyển sang phương thức đào tạo theo tín chỉ, sinh viên phải thay đổi nhận thức, xóa bỏ sức ỳ để có những phương pháp học tập tích cực, thái độ tự chủ - tự chịu trách nhiệm nhằm thích ứng với những yêu cầu học tập mới.

Trước hết, sinh viên cần hiểu được vai trò của tự học. Chuẩn bị tốt về động cơ, thái độ học tập, tinh thần trách nhiệm để học tập một cách chủ động và hiệu quả. Điều quan trọng là phải biến nhận thức, động cơ học tập thành hành động thực tế.

Thứ hai, nắm vững mục tiêu của môn học và mục tiêu của từng bài học (mà thông thường được mô tả khá kỹ trong đề cương môn học được cung cấp khi bắt đầu học môn học) để làm cơ sở xây dựng kế hoạch tự học phù hợp và nghiêm túc thực hiện kế hoạch đó.

Thứ ba, sinh viên cần tăng thời gian tự học ở nhà lên mức yêu cầu tối thiểu là 5 giờ mỗi tuần. Lập kế hoạch học tập hợp lý trong đó cần nêu rõ các công việc phải làm với thời gian và dự kiến kết quả cụ thể và nghiêm túc thực hiện.

Thứ tư, sinh viên nên tìm hiểu và học tập những kỹ năng học tập ở đại học như : kỹ năng nghe giảng và ghi chép bài giảng hợp lý; kỹ năng tổ chức các hoạt động tự học gồm: lập kế hoạch, thực hiện kế hoạch, theo dõi, giám sát, đánh giá và điều chỉnh việc tự học; kỹ năng đọc sách và nghiên cứu

Thứ năm, sinh viên phải hoàn thành các nhiệm vụ tự học, đọc bài, nghiên cứu tài liệu trước khi đến lớp. Sau giờ lên lớp cần ôn tập kiến thức đã học và vận dụng vào thực tế giao tiếp ngoài xã hội. Sinh viên có thể tới các khu du lịch trong thành phố, trong tỉnh để tăng cường tiếp xúc với người nước ngoài. Thành lập các nhóm học tập nhỏ nhằm tăng cường khả năng giao tiếp bằng tiếng Anh trong nhóm và tranh thủ sự hỗ trợ từ các bạn cùng nhóm.

Trong quá trình học tập, sinh viên cần tích cực tham gia các hoạt động học tập, có tinh thần làm việc trách nhiệm. Khi gặp khó khăn cần quyết tâm tìm cách giải quyết và không e ngại khi yêu cầu tư vấn giúp đỡ từ thầy cô và bạn bè.

Sử dụng tốt nhất nguồn tài liệu được thầy cô cung cấp hoặc gợi ý, đồng thời tự tìm thêm các nguồn khác để tự trau dồi những kiến thức còn thiếu. Khi tìm được nguồn tài liệu, có thể yêu cầu tư vấn từ giảng viên xem tài liệu đó có phù hợp hay không.

Ngoài việc tự học tiếng Anh, sinh viên cần trau dồi thêm kiến thức về công nghệ thông tin và ứng dụng nó để bồi dưỡng năng lực ngoại ngữ cho mình, không để các phương tiện giải trí làm ảnh hưởng tới việc tự học của mình.

PHẦN KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Trong thời gian qua nhóm thực hiện đề tài đã nghiên cứu sâu về mặt lý luận làm cơ sở để thực hiện điều tra, khảo sát thực trạng vấn đề tự học học phần Tiếng Anh 1 của sinh viên năm thứ nhất Trường Đại học Hoa Lư từ đó đề xuất các biện pháp cải thiện. Theo đó, việc tự học của sinh viên ở đây có một số thuận lợi như: có đội ngũ giảng viên trẻ, nhiệt tình công tác, yêu nghề và được đào tạo ở những cơ sở giáo dục tốt, có chuyên môn tốt. Sinh viên đã trải qua nhiều năm học tiếng Anh ở phổ thông nên đã quen với ngôn ngữ này. Họ cũng đã có nhận thức đúng về vai trò của việc tự học ở bậc đại học.

Tuy nhiên, đề tài cũng đã chỉ ra một số vấn đề còn tồn tại như sinh viên chưa dành đủ thời gian để tự học, chưa có phương pháp tự học hiệu quả, còn thụ động trong học tập, chưa có ý thức lập và thực hiện kế hoạch học tập cho môn học.

Từ những tồn tại trên, nhóm thực hiện đề tài đã đưa ra một số biện pháp dành cho cả người dạy và người học nhằm cải thiện và nâng cao tính tự học cho sinh viên. Tuy nhiên, do thời gian thực hiện đề tài ngắn (chỉ một năm), các lớp học học phần tiếng Anh 1 lại ít và chỉ thực hiện ở kỳ 1 của mỗi năm học nên nhóm nghiên cứu chưa có cơ hội để tiến hành thực nghiệm các giải pháp đã đưa ra nhằm đánh giá hiệu quả của các biện pháp ấy.

Đề tài cũng đã mở ra một số vấn đề nghiên cứu trong thời gian tới. Đó là vấn đề thiết kế tài liệu phần tự học nhằm phát triển tính tự học cho sinh viên theo hướng sử dụng các phần mềm ứng dụng. Vấn đề thiết kế các dự án học tập phù hợp từng nhóm đối tượng của các ngành đặc thù trong trường đại học Hoa Lư. Vì thế, trong thời gian tới nhóm thực hiện đề tài cũng mong muốn có cơ hội để tiếp tục nghiên cứu vấn đề này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Benson , P & Voller, P. 1997, *Autonomy and Independence in learning*. London: Longman
2. Cao Xuân Hạo (2000), *Bàn về chuyện tự học*, Kiến thức ngày nay số 396, (9/2000)
3. Camilleri, G. (1999). *Learner autonomy: The teachers' views*. Retrieved 20 January 2012, from http://archive.ecml.at/documents/pubCamilleriG_E.pdf
4. Dam, L. (1995), *Learner Autonomy 3: from theory to classroom practice*
5. Diệp Thị Thanh, *Phương pháp tự học- cầu nối giữa học tập và nghiên cứu khoa học* Trường Đại học Ngoại Ngữ, Đại học Đà Nẵng
6. Dickinson, L. (1992). *Learner Autonomy 2 : Learner training foreign language learning*, Dublin : Authentik.
7. Little, D. (1991), *Learner Autonomy I: Definitions, Issues and Problems*, Dublin, Authentik.
8. Littlewood, W. T. (1999). *Defining and developing autonomy in Eastern Asian context*. *Applied Linguistics* 20(1), 71-94.
9. Mai Thị Thu Hân, Hoàng Thị Tuyết, Dương Thị Ngọc Anh, Nguyễn Thị Liên (2017). *Tăng cường tính tự học bằng dự án học tập – nghiên cứu tình huống tại trường Đại học Hoa Lư*, Tạp chí Khoa học Công nghệ Đại học Thái Nguyên số 2 (2017)
10. Nguyễn Thị Phương Hoa (2005), *Tình hình vận dụng phương pháp Project trong dạy học ở trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội*, Tạp chí khoa học ĐHQGHN, T.XXI, số 2.
11. Trần Thị Hoà (2010) “*Phát huy tính tự học trong việc học từ vựng cho sinh viên năm thứ hai, Trường Đại học Y Hải Phòng*”. ĐHNN-ĐHQG HN
12. Holec, H. (1981). *Autonomy and foreign language learning*. Oxford: Pergamon.
13. Nunan, D. (2000). *Autonomy in language learning*. Retrieved November 20th, 2009 from http://www.nunan.info/presentations/autonomy_lang_learn.pdf

14. G. Brousseau (1995), *Lí luận dạy học các khoa học và việc đào tạo người thầy giáo*, NXBGD Hà Nội
15. Phạm Thị Phương (2013) về “*Phát huy tính tự học đối với kỹ năng nói cho sinh viên chuyên ngữ năm thứ nhất tại trường Đại học Thương mại*”
16. Shien Sakai, Akiko Takagi, Seongwon Lee, Man-ping Chu « Teachers’ Roles in Developing Learner Autonomy in the East Asian Region » *The journal of Asia TEFL* » vol. 5, no. 1, pp. 97-121, spring 2008
17. Rivers, W. M. & Temperley, M. S. (1978), *A practical Guide to the Teaching*. Cambridge University Press.
18. Wang M.C and Pevely S.T. (1986), *The Self-instructive Process in classroom learning context*, Contemporary Psychology Education
19. Nguyễn Cảnh Toàn (2001). *Quá trình dạy – tự học*. NXB Giáo dục, HN
20. Phan Bích Ngọc (2009). *Tổ chức tốt việc tự học cho sinh viên nhằm nângcao chất lượng đào tạo của các trường đại học theo hình thức tín chỉ hiện nay*. Tạp chí Khoa học ĐHQGHN, Ngoại ngữ 25 (2009)
21. Trinh, Q. L. & Rijlaarsdam, G. (2003). *An EFL curriculum for learner autonomy: design and effects*. Paper presented at the conference Independent Language

PHỤ LỤC CÂU HỎI ĐIỀU TRA

(Dành cho sinh viên)

Bảng câu hỏi điều tra này được thiết kế để phục vụ đề tài “*Thực trạng vấn đề tự học học phần Tiếng Anh 1 của sinh viên năm thứ nhất Trường Đại học Hoa Lư và đề xuất một số biện pháp nâng cao hiệu quả tự học cho sinh viên*”. Câu trả lời của các em sẽ là đóng góp lớn đối với nghiên cứu của nhóm nghiên cứu chúng tôi. Các số liệu và thông tin các em đưa ra được sử dụng cho mục đích nghiên cứu, ngoài ra không vì bất cứ mục đích nào khác.

Xin chân thành cảm ơn sự hợp tác của các em!

Trước khi trả lời các câu hỏi, em hãy điền đầy đủ các thông tin dưới đây:

Giới tính : a. Nam b. Nữ

Tuổi:.....

Em học tiếng Anh được.....năm

Hãy khoanh tròn những câu trả lời phù hợp cho những câu hỏi sau hoặc đánh dấu (✓) vào ô mà em lựa chọn hoặc điền vào chỗ trống ý kiến riêng của em.

Câu 1: Theo em, việc tự học trong học chế tín chỉ hiện nay là:.....

- a. rất quan trọng.
- b. quan trọng.
- c. bình thường.
- d. không quan trọng.

Câu 2: Theo em, những đặc điểm nào sau đây thể hiện một sinh viên có tính tự học tốt? (có thể có nhiều sự lựa chọn)

- a. tích cực, chủ động tham gia học tập trên lớp
- b. biết tự điều chỉnh phương pháp học tập cho phù hợp với mình
- c. thường xuyên luyện tập và ứng dụng kiến thức đã học trong thực tiễn
- d. đánh giá được sự tiến bộ của mình trong quá trình học
- e. chỉ cần làm bài tập cô giao
- f. biết lập kế hoạch học tập cho riêng mình
- g. tự nghiên cứu thêm các tài liệu và các nguồn tham khảo khác
- h. biết đánh giá chương trình học của mình
- i. tự học một mình, không cần ai giúp đỡ

Câu 3: Đào tạo theo mô hình tín chỉ đòi hỏi thời lượng tự học của sinh viên chiếm 2/3 so với giờ học trên lớp, theo em thời lượng tự học đó.....

- a. Ít
- b. Vừa đủ
- c. Nhiều

Câu 4: Ngoài giờ học trên lớp em thường dùng bao nhiêu thời gian cho việc tự học tiếng Anh mỗi tuần?

- a. dưới 2 giờ
- b. khoảng 2 giờ
- c. khoảng 3 giờ
- d. khoảng 4 giờ
- e. từ 5 giờ trở lên

Câu 5: Mục đích học tiếng Anh của em là.....

- a. học để vượt qua được kỳ thi
- b. học để đạt được điểm cao
- c. học để hiểu biết
- d. học theo phong trào
- e. học để có cơ hội việc làm tốt hơn sau khi ra trường
- f. khác (hãy làm rõ hơn câu trả lời của em)

Câu 6: Đánh dấu (✓) vào ô mà em lựa chọn. Mức độ của các hình thức tự học của em sau đây như thế nào?

STT	Hình thức tự học	Mức độ		
		Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Chưa bao giờ
1	Chuẩn bị bài trước khi đến lớp			
2	Trao đổi bài với giảng viên và các bạn khác			
3	Ghi chép bài cẩn thận			
4	Ôn lại kiến thức đã học và ứng dụng nó trong cuộc sống xã hội			
5	Sử dụng sơ đồ tư duy (mind mapping, đọc nhanh, ghi nhận siêu tốc...)			
6	Lên thư viện học bài			
7	Đọc thêm nhiều sách tham khảo, nâng cao ngoài giáo trình và sách thầy cô yêu cầu			
8	Học thêm tiếng Anh trên các kênh TV hoặc trên mạng			

Câu 7: Em có lập kế hoạch học tập cho học phần Tiếng Anh 1 từ đầu năm học không?

- a. có
- b. không

Câu 8: Nếu có lập kế hoạch học tập từ đầu kỳ học, em có thực hiện kế hoạch học tập đã đề ra?

- a. có
- b. không
- c. chỉ thực hiện được trong thời gian đầu.
- d. chỉ đến khi chuẩn bị kết thúc học phần mới tập trung thực hiện

Câu 9: Trong quá trình học tập học phần tiếng Anh 1, em có tự đánh giá kết quả học tập hay sự tiến bộ của mình qua từng tuần / từng tháng không?

- a. có
- b. không

Câu 10: Trong quá trình học tiếng Anh, em có điều chỉnh phương pháp học tập cho phù hợp với mình không?

- a. có
- b. không

Câu 11: Đánh dấu (✓) vào ô mà em lựa chọn. Khi học tiếng Anh

STT	Nhận định	Hoàn toàn không đồng ý	Không đồng ý	Đồng ý	Hoàn toàn đồng ý
a	Em thấy các hoạt động của giảng viên rất thiết thực và thú vị				
b	Em đã thực sự tham gia tích cực vào các hoạt động học tập của lớp				
c	Em chỉ tập trung ôn tập trước các kỳ thi và kiểm tra				
d	Em chỉ thực sự làm bài tập khi cô giáo yêu cầu nộp bài đó				
e	Khi gặp khó khăn trong học tập môn học này em luôn quyết tâm tìm cách giải quyết				

Câu 12: Em có bị lúng túng khi nhận thấy chương trình học tiếng Anh tại trường đại học không giống với chương trình học tại trường THPT không?

- a. có
- b. không

Câu 13: Internet, phim ảnh, facebook, điện thoại có ảnh hưởng không tốt đến việc tự học của em?

- a. có
- b. không

Câu 14: Em thấy lượng kiến thức được truyền tải trên lớp ở học phần tiếng Anh 1 là

a. ít

b. vừa phải

c. nhiều

Câu 15: Em có gặp khó khăn trong việc tìm tài liệu để học tiếng Anh không?
Vì sao?

a. Có vì

b. Không vì

Câu 16. Theo em, phần bài tập, tài liệu Tiếng Anh 1 dành cho tự học là: (có thể có nhiều sự lựa chọn)

a. thiết thực

e. nhàm chán

b. phù hợp với trình độ của em

f. ít

c. thú vị

g. vừa phải

d. khó

h. nhiều

e. sát chương trình học trên lớp

Câu 17. Tài liệu tự học thầy /cô giới thiệu chủ yếu giúp các em rèn luyện những phần nào sau đây? (có thể có nhiều sự lựa chọn)

a. từ vựng

d. kỹ năng nghe

b. ngữ pháp

f. kỹ năng nói

c. ngữ âm

g. kỹ năng đọc

h. kỹ năng viết

Em hãy điền ý kiến của mình vào chỗ trống:

Câu 18. Những khó khăn khác mà em hay gặp phải khi tự học học phần tiếng Anh 1 là

.....

Câu 19. Để khắc phục những khó khăn trong quá trình tự học tiếng Anh, theo em điều quan trọng là

.....

.....

Xin chân thành cảm ơn

CÂU HỎI PHÒNG VẤN

(Dành cho giảng viên)

Bảng câu hỏi điều tra này được thiết kế để phục vụ đề tài “*Thực trạng vấn đề tự học học phần Tiếng Anh 1 của sinh viên năm thứ nhất Trường Đại học Hoa Lư và đề xuất một số biện pháp nâng cao hiệu quả tự học cho sinh viên*”. Câu trả lời của thầy/cô sẽ là đóng góp lớn đối với nghiên cứu của nhóm nghiên cứu chúng tôi. Các số liệu và thông tin thầy/cô đưa ra được sử dụng cho mục đích nghiên cứu, ngoài ra không vì bất cứ mục đích nào khác. Rất mong thầy/cô bớt chút thời gian trả lời một số câu hỏi về sinh viên (các) lớp D10 mà thầy cô đang dạy.

Xin chân thành cảm ơn sự hợp tác của thầy/cô!

1. Theo thầy/ cô, vấn đề tự học trong trường Đại học hiện nay có quan trọng không? Vai trò của thầy/ cô trong lớp học hiện nay là gì?
2. Trong giờ học, sinh viên có tích cực tham gia các hoạt động mà thầy cô tiến hành không?
3. Sinh viên lớp thầy/cô có tỏ ra hứng thú / thích nội dung họ đang học không?
4. Sinh viên lớp thầy cô có tích cực làm bài tập về nhà thầy cô giao không? Tỷ lệ hoàn thành bài tập là bao nhiêu?
5. Ngoài giờ học, sinh viên có gặp gỡ, trao đổi với thầy/cô về việc học môn tiếng Anh không? Họ thường trao đổi về vấn đề gì? (hỏi bài tập/hỏi cách học/xin giúp đỡ về tài liệu)
6. Theo thầy cô những vấn đề ảnh hưởng tới sự tích cực chủ động của sinh viên khi học tiếng Anh là gì? (Sinh viên thiếu kiến thức nền/ Năng lực tiếng Anh của sinh viên thấp/ Thiếu trang thiết bị / Phương pháp kỹ năng tự học của sinh viên chưa hợp lý. ...)
7. Thầy cô đánh giá thế nào về yêu cầu tự học và tài liệu phần tự học ở học phần Tiếng Anh 1?
8. Thầy cô có thường cung cấp hay giới thiệu nguồn tài liệu ngoài cho sinh viên học thêm ở nhà không?
9. Theo thầy/ cô, sinh viên có khó khăn gì khi tự học tiếng Anh?
10. Theo thầy/ cô, để nâng cao việc tự học tiếng Anh của sinh viên lớp thầy / cô thì cần phải làm gì?